



**HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẦN**

QUY ĐỊNH

**XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN VI PHẠM
CÁC QUY CHẾ GIÁM SÁT CHẤT VĂN TRONG ĐẢNG
VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**QUY ĐỊNH XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN VI PHẠM,
CÁC QUY CHẾ GIÁM SÁT, CHẤT VẤN TRONG ĐẢNG
VÀ VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Thành viên

TS. NGUYỄN AN TIÊM

TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

**QUY ĐỊNH XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐẢNG VIÊN
VI PHẠM, CÁC QUY CHẾ GIÁM SÁT,
CHẤT VẤN TRONG ĐẢNG VÀ VĂN BẢN
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2013**

TỔ CHỨC BẢN THẢO

ThS. NGUYỄN VĂN TRỌNG

TS. HOÀNG MẠNH THẮNG

ThS. VŨ QUANG HUY

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Công tác kiểm tra, giám sát, xử lý kỷ luật đảng cũng như việc phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên là những nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Qua mỗi thời kỳ cách mạng, nội dung lãnh đạo và phương thức lãnh đạo của Đảng đều có sự đổi mới nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả lãnh đạo, thể hiện trong việc không ngừng hoàn thiện quan điểm, nguyên tắc, phương pháp công tác nhằm góp phần ngăn chặn, phòng ngừa, xử lý nghiêm khắc các vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, nâng cao chất lượng hoạt động của từng tổ chức đảng và trong toàn Đảng.

Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI đã ban hành Nghị quyết *Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*, xác định phải tiếp tục củng cố xây dựng, chỉnh đốn Đảng với tinh thần kiên quyết hơn, mạnh mẽ hơn, nhằm tạo ra một bước chuyển biến mới trên các mặt, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái về chính trị, đạo đức lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, củng cố sự kiên định về mục tiêu, lý tưởng cách mạng;

tăng cường sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng.

Để góp phần giúp các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên nắm vững và thực hiện đúng đắn, có hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, xử lý kỷ luật đảng cũng như việc phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm, năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng và đảng viên trong hệ thống chính trị, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách ***Quy định xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, các quy chế giám sát, chất vấn trong Đảng và văn bản hướng dẫn thực hiện.***

Nội dung cuốn sách giới thiệu toàn văn Quy định số 181-QĐ/TW, ngày 30-3-2013 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm; Quyết định số 68-QĐ/TW, ngày 21-3-2013 ban hành Quy chế giám sát trong Đảng của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 06-HD/UBKTTW, ngày 20-6-2012 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát trong Đảng; Quyết định số 158-QĐ/TW, ngày 15-5-2008 ban hành Quy chế chất vấn trong Đảng của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 07-HD/UBKTTW, ngày 30-7-2012 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện chất vấn của cấp ủy viên tại các kỳ họp của Ban Chấp hành đảng bộ các cấp.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 12 năm 2013

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

QUY ĐỊNH

xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm

- Căn cứ Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước;

- Căn cứ Quy định số 47-QĐ/TW, ngày 01-11-2011 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XI;

Bộ Chính trị quy định về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng

1- Quy định này quy định nội dung vi phạm và hình thức xử lý kỷ luật đối với đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết,

chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, nghị quyết, quy định của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị mà đảng viên là thành viên. Trường hợp đảng viên vi phạm những nội dung chưa có trong Quy định này thì căn cứ vào quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước và vận dụng Quy định này để xử lý kỷ luật cho phù hợp.

2- Đảng viên vi phạm trước đây, nhưng sau khi chuyển công tác, nghỉ việc hoặc nghỉ hưu mới phát hiện vi phạm vẫn phải xem xét, kết luận; nếu vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì phải thi hành kỷ luật theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước và những nội dung nêu trong Quy định này.

Điều 2. Nguyên tắc xử lý kỷ luật

1- Tất cả đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng. Đảng viên ở bất cứ cương vị, lĩnh vực công tác nào, nếu vi phạm kỷ luật của Đảng đều phải được xem xét, xử lý kỷ luật nghiêm minh.

2- Việc thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm phải thực hiện đúng phương hướng, phương châm, nguyên tắc, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Đảng, quy định, hướng dẫn

của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3- Khi xem xét, xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm, phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm, các tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ, thái độ tiếp thu phê bình và sửa chữa, khắc phục khuyết điểm, vi phạm; mục tiêu, yêu cầu của việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng.

Trong xử lý kỷ luật, phải kết hợp xem xét kết quả tự phê bình và phê bình với kết quả thẩm tra, xác minh của tổ chức đảng để bảo đảm kết luận dân chủ, khách quan, trung thực, đầy đủ, chính xác. Cần làm rõ nguyên nhân, phân biệt sai lầm, khuyết điểm của đảng viên do trình độ, năng lực hoặc động cơ vì lợi ích chung hay vì lợi ích cá nhân, cục bộ mà cố ý làm trái; vi phạm nhất thời hay có hệ thống; đã được giáo dục, nhắc nhở, ngăn chặn vẫn làm trái; ý thức tự phê bình và phê bình kém, không tự giác nhận lỗi, không bồi hoàn vật chất kịp thời hoặc để kéo dài; có hành vi đối phó, gây khó khăn, trở ngại cho việc kiểm tra; phân biệt đảng viên khỏi xương, tổ chức, quyết định với đảng viên bị xúi giục, lôi kéo, đồng tình làm sai.

4- Các hình thức kỷ luật đảng viên vi phạm thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

Đối với đảng viên chính thức: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ. Đối với đảng viên dự bị: khiển trách, cảnh cáo.

Đảng viên vi phạm đến mức khai trừ thì phải khai trừ, không áp dụng hình thức xóa tên; cấp ủy viên vi phạm đến mức cách chức thì phải cách chức, không cho thôi giữ chức; đảng viên dự bị vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật thì áp dụng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo, không đủ tư cách thì xóa tên trong danh sách đảng viên.

5- Đảng viên vi phạm pháp luật đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải truy cứu trách nhiệm hình sự, không "xử lý nội bộ"; bị tòa án tuyên phạt tù hình phạt cải tạo không giam giữ trở lên thì phải khai trừ; nếu bị xử phạt bằng hình phạt thấp hơn cải tạo không giam giữ hoặc được miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, bị xử phạt hành chính thì tùy nội dung, mức độ, tính chất, tác hại và nguyên nhân vi phạm mà xem xét, thi hành kỷ luật đảng một cách thích hợp.

6- Kỷ luật đảng không thay thế kỷ luật hành chính, kỷ luật đoàn thể và các hình thức xử lý của pháp luật. Đảng viên bị thi hành kỷ luật về Đảng thì cấp ủy quản lý đảng viên đó phải kịp thời chỉ đạo tổ chức nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội có thẩm quyền, trong thời hạn 30 ngày làm việc

kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật về Đảng, phải xem xét, xử lý kỷ luật về hành chính, đoàn thể (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước và điều lệ của đoàn thể.

Khi các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội đình chỉ công tác, khởi tố bị can hoặc thi hành kỷ luật đối với cán bộ, hội viên, đoàn viên là đảng viên thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho tổ chức đảng quản lý đảng viên đó biết. Chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, tổ chức đảng quản lý đảng viên phải xem xét, xử lý kỷ luật về Đảng.

7- Một nội dung vi phạm chỉ bị xử lý kỷ luật một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong thời điểm kiểm tra, xem xét xử lý vụ việc, nếu đảng viên có từ hai nội dung vi phạm trở lên thì xem xét, kết luận từng nội dung vi phạm và quyết định chung bằng một hình thức kỷ luật; không tách riêng từng nội dung vi phạm của đảng viên để xử lý kỷ luật nhiều lần với các hình thức kỷ luật khác nhau.

8- Trong cùng một vụ việc có nhiều đảng viên vi phạm thì mỗi đảng viên đều phải bị xử lý kỷ luật về nội dung vi phạm của mình.

9- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, chi bộ có thẩm quyền thi hành kỷ luật,

khi quyết định kỷ luật oan, sai đối với đảng viên phải chủ động thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định đó; nếu tổ chức đảng đã quyết định kỷ luật đối với đảng viên mà tổ chức đảng đó có vi phạm trong việc xem xét, xử lý kỷ luật đến mức phải kỷ luật thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định.

10- Sau một năm, kể từ ngày có quyết định kỷ luật hoặc quyết định giải quyết khiếu nại kỷ luật (trừ quyết định kỷ luật khai trừ), nếu đảng viên không tái phạm hoặc không có vi phạm mới đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực.

Điều 3. Những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng mức kỷ luật

1- Những trường hợp vi phạm có một hoặc một số tình tiết sau được xem xét giảm nhẹ mức kỷ luật

a) Chủ động báo cáo vi phạm của mình với tổ chức, tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm trước khi bị phát hiện.

b) Chủ động báo cáo, cung cấp thông tin, phản ánh đầy đủ, trung thực về những người cùng vi phạm.

c) Chủ động chấm dứt hành vi vi phạm, khắc phục hậu quả vi phạm và tích cực tham gia

ngăn chặn hành vi vi phạm; tự giác bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do mình gây ra.

d) Vi phạm do nguyên nhân khách quan hoặc do bị ép buộc mà vi phạm.

đ) Vi phạm do phải thực hiện chủ trương, quyết định, mệnh lệnh sai trái của cấp trên.

2- Những trường hợp vi phạm có một hoặc một số tình tiết sau phải xem xét tăng nặng mức kỷ luật

a) Đã được tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giáo dục, nhắc nhở mà không sửa chữa.

b) Không tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm của mình mà còn quanh co, che giấu.

c) Bao che cho người cùng vi phạm; trù dập, trả thù người đấu tranh, tố cáo vi phạm hoặc người cung cấp chứng cứ vi phạm.

d) Cung cấp thông tin, báo cáo sai sự thật; ngăn cản người khác cung cấp chứng cứ vi phạm; tiêu huỷ chứng cứ, lập hồ sơ, chứng cứ giả.

đ) Đối phó, cản trở, gây khó khăn, trở ngại cho quá trình kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, thẩm tra, xác minh, thu thập chứng cứ vi phạm.

e) Vi phạm do lợi dụng tình trạng khẩn cấp, thiên tai, thực hiện chính sách xã hội.

g) Vi phạm gây thiệt hại về vật chất phải bồi hoàn nhưng không bồi hoàn, không khắc phục hậu quả.

h) Vi phạm nhiều lần, có hệ thống, tái phạm; bị xử lý kỷ luật nhiều lần.

i) Vi phạm có tổ chức; là người tổ chức, chủ mưu, khởi xướng hành vi vi phạm.

k) Ép buộc, vận động, tổ chức, tiếp tay cho người khác cùng vi phạm.

l) Ép buộc, tạo điều kiện cho người khác tạo tài liệu, hồ sơ, chứng cứ giả, che giấu, tiêu huỷ chứng cứ, hồ sơ, tài liệu.

Điều 4. Các trường hợp chưa xem xét, xử lý kỷ luật và không xử lý kỷ luật

1- Đảng viên vi phạm đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức, bị ốm đang điều trị nội trú tại bệnh viện được cơ quan y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (từ cấp huyện trở lên) xác nhận thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật.

2- Đảng viên vi phạm đã qua đời, tổ chức đảng xem xét, kết luận, không xử lý kỷ luật; chỉ xử lý kỷ luật khi đảng viên đó vi phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

1- Đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng: là việc đảng viên không tuân theo hoặc làm trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị,

quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, quy định của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội mà đảng viên là thành viên.

2- Cố ý vi phạm: là việc đảng viên đã được thông báo, phổ biến về quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm nhưng vẫn thực hiện.

3- Vô ý vi phạm: là hành vi vi phạm do đảng viên không nhận thức được hành vi của mình có thể gây ra hậu quả nên đã vi phạm hoặc tuy ý thức được hậu quả về hành vi của mình nhưng vì quá tự tin cho rằng hậu quả sẽ không xảy ra nên dẫn đến vi phạm.

4- Tái phạm: là việc đảng viên vi phạm đã được kiểm điểm rút kinh nghiệm hoặc đã bị xử lý kỷ luật nhưng lại vi phạm nội dung đã được kiểm điểm hoặc bị xử lý.

5- Hậu quả do hành vi vi phạm của đảng viên gây ra:

a) "Vi phạm gây hậu quả ít nghiêm trọng" là vi phạm làm ảnh hưởng đến uy tín của bản thân và tổ chức, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác hoặc gây thất thoát, lãng phí tiền, tài sản phải bồi thường thiệt hại một lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

b) "Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng" là vi phạm làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức,

cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác hoặc làm thất thoát, lãng phí tiền, tài sản phải bồi thường thiệt hại một lần có giá trị từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng.

c) "Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng" là vi phạm làm mất uy tín của bản thân, tổ chức, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác; mất đoàn kết nội bộ, gây dư luận xấu, bức xúc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; làm mất niềm tin của nhân dân đối với tổ chức đảng hoặc gây lãng phí, thất thoát về tiền, tài sản phải bồi thường thiệt hại một lần có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

6- Thiếu trách nhiệm: là việc đảng viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao không đầy đủ; không thực hiện đúng nguyên tắc, chế độ, thủ tục, quy trình, quy phạm; không đúng tiêu chuẩn, điều kiện hoặc thời gian theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công việc cụ thể đó.

7- Buông lỏng quản lý: là việc đảng viên có trách nhiệm lãnh đạo, quản lý nhưng không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, không chấp hành quy định của cấp trên; không ban hành các quyết định, quy chế, quy định, quy trình; không có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoặc đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực hiện thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý.

Chương II

VI PHẠM VỀ CHÍNH TRỊ VÀ NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC, SINH HOẠT ĐẢNG

**Điều 6. Vi phạm về quan điểm chính trị
và lịch sử chính trị**

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Bị người khác xúi giục, lôi kéo, mua chuộc mà có hành vi nói, viết, lưu trữ, tán phát, xuất bản, cung cấp thông tin, tài liệu, hiện vật có nội dung trái với quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Phụ họa, a dua theo những quan điểm trái với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; thiếu trách nhiệm trong đấu tranh chống biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, chống diễn biến hoà bình.

c) Có biểu hiện cụ thể về dao động, thiếu niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, không thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau

thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Bị xúi giục, dụ dỗ hoặc do nhận thức không đúng mà nói, viết, làm trái, không thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; làm những việc mà pháp luật không cho phép.

b) Bị xúi giục, kích động mà ép buộc người khác nói, viết, lưu giữ, tán phát, xuất bản, cung cấp những thông tin, tài liệu, hiện vật có nội dung trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

c) Bị dụ dỗ, lôi kéo hoặc bị cưỡng ép tham gia các đảng phái, tổ chức chính trị hoạt động trái phép.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Cố ý nói, viết có nội dung xuyên tạc lịch sử, xuyên tạc sự thật, phủ nhận vai trò lãnh đạo và thành quả cách mạng của Đảng và nhân dân.

b) Có quan điểm ủng hộ hoặc tán thành đa nguyên chính trị, đa đảng; công khai phê phán bác bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nguyên tắc tập trung dân chủ của Đảng.

c) Xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; bôi nhọ lãnh tụ, lãnh đạo Đảng, Nhà nước; truyền thống của dân tộc, của Đảng và Nhà nước.

d) Lợi dụng dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo hoạt động gây nguy hại đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

đ) Biến chất về chính trị, có hoạt động móc nối với các thế lực thù địch, boment phản động lưu vong chống lại Đảng, dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa.

e) Hoạt động trong các đảng phái, tổ chức chính trị phản động.

Điều 7. Vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Thiếu trách nhiệm trong việc chấp hành nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Bị kích động, xúi giục, mua chuộc, lôi kéo, cưỡng ép người khác tham gia các hoạt động gây mất dân chủ, mất đoàn kết nội bộ.

c) Bị xúi giục, lôi kéo vào những việc làm trái nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng; vi phạm

quy chế dân chủ, quy chế làm việc của cấp ủy, tổ chức đảng, các quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác.

d) Đe dọa trả thù, trù dập người chất vấn, góp ý, phê bình, tố cáo mình dưới mọi hình thức.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phủ quyết ý kiến của đa số thành viên khi thông qua nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận thuộc thẩm quyền của tập thể.

b) Tham gia hoặc xúi giục, cưỡng ép người khác tham gia các hoạt động bè phái, chia rẽ, cục bộ gây mất đoàn kết nội bộ.

c) Tổ chức hoặc thuê người khác trả thù người phê bình, tố cáo cơ quan, đơn vị, cá nhân mình hoặc người cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ liên quan đến vi phạm của cơ quan, đơn vị, cá nhân mình.

d) Lừa dối cấp trên, báo cáo sai, xuyên tạc sự thật; che giấu khuyết điểm, vi phạm của bản thân, của người khác hoặc của tổ chức; tạo thành tích giả; cơ hội, kèn cựa, địa vị, độc đoán, chuyên quyền.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Vô tổ chức, vô kỷ luật, cố ý bỏ sinh hoạt đảng, bỏ vị trí công tác nhiều lần không có lý do chính đáng; có hành vi chống lại các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

b) Lợi dụng quyền dân chủ để tổ chức, lôi bè, kéo cánh, lợi ích nhóm hoặc lợi ích cục bộ gây mất đoàn kết trong tổ chức, cơ quan, đơn vị nơi mình sinh hoạt, công tác.

Điều 8. Vi phạm các quy định về bầu cử

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Được phân công nhiệm vụ trong tổ chức, thực hiện bầu cử nhưng thiếu trách nhiệm trong kiểm tra, thẩm định, xem xét hồ sơ xin ứng cử dẫn đến sai sót trong quá trình bầu cử.

b) Thực hiện không đúng, không đầy đủ quy trình, thủ tục về bầu cử dẫn đến sai sót trong quá trình bầu cử.

c) Cố ý không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình về bầu cử theo quy định của pháp luật, có hành vi làm mất an ninh trật tự nơi bầu cử.

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc ảnh hưởng của người có chức vụ, quyền hạn tác động, gây áp lực đến các cá nhân, tổ chức có thẩm quyền để đề cử người thân của mình vào các chức danh lãnh đạo của tổ chức đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Tự ứng cử, nhận đề cử và đề cử các chức danh của tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội (theo quy định phải do tổ chức đảng giới thiệu) khi chưa được tổ chức đảng có thẩm quyền cho phép.

b) Tổ chức lực lượng, phe nhóm, dòng họ, cục bộ để vận động người tự ứng cử, nhận đề cử và đề cử vào các chức danh của tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trái quy định.

c) Có trách nhiệm thẩm định, xét duyệt nhân sự, nhưng đưa người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn để bầu vào các chức danh lãnh đạo của

tổ chức đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

d) Không trung thực trong việc kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử; có hành vi gian dối trong thực hiện các quy định về bầu cử.

đ) Có hành vi mua chuộc, xúi giục, cưỡng ép người khác hoặc vận động bầu cử trái quy định; cản trở, đe dọa người khác thực hiện quyền ứng cử, đề cử hoặc bầu cử theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

e) Không trung thực trong việc kê khai hoặc thẩm định hồ sơ, lý lịch, tài sản, thu nhập của người ứng cử theo quy định về bầu cử.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Tổ chức thực hiện việc giả mạo giấy tờ, gian lận phiếu bầu hoặc dùng các thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bầu cử.

b) Có hành vi, việc làm nhằm phá hoại cuộc bầu cử.

Điều 9. Vi phạm về kỷ luật tuyên truyền, phát ngôn

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Tuyên truyền, sao chép, tán phát, cung cấp thông tin, tài liệu, hiện vật có nội dung xấu, hoặc kích động, chống Đảng, Nhà nước dưới mọi hình thức.

b) Tự ý phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí và các phương tiện truyền thông khác, vi phạm những điều cấm của Luật báo chí, Luật xuất bản và những quy định khác của Đảng và Nhà nước về phát ngôn, cung cấp thông tin, tuyên truyền, xuất bản.

c) Phát ngôn hoặc cung cấp những thông tin, tài liệu, văn bản của các đề án, dự án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước chưa được cấp có thẩm quyền cho phép phổ biến.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Phát ngôn trái với quan điểm, đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước; loan truyền những thông tin không đúng sự thật làm ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

b) Cung cấp thông tin, tài liệu cho tổ chức, cá nhân, cho báo chí những vấn đề thuộc bí mật của Đảng, Nhà nước; thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng. Cung cấp thông tin chưa được phép, sai sự thật, không trung thực cho báo chí.

c) Cung cấp thông tin cho báo chí về: các vụ án đang trong quá trình điều tra chưa được phép công bố hoặc chưa xét xử. Cung cấp, đăng tải các thông tin chi tiết phục vụ cho kết luận vụ việc kiểm tra; những vụ việc đang trong giai đoạn kiểm tra, giám sát chưa có kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc chưa được phép công bố.

d) Tàng trữ, tuyên truyền, tán phát hoặc xúi giục người khác tuyên truyền, tán phát thông tin, tài liệu dưới mọi hình thức để truyền bá những quan điểm trái với đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

đ) Trả lời phỏng vấn, cho đăng tải tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng có nội dung sai sự thật, mang tính kích động, gây hoang mang hoặc quy kết về tội danh, mức án trước khi xét xử; đưa những thông tin chưa được phép phổ biến hoặc không đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định của pháp luật.

e) Lợi dụng việc phát ngôn, chất vấn, trả lời chất vấn, nhân danh việc phản ánh, góp ý vào dự thảo các văn kiện Đại hội Đảng, dự thảo Hiến pháp, pháp luật, thư ngỏ, hồi ký để đưa ra các quan điểm, thông tin gây tổn hại uy tín của Đảng,

Nhà nước hoặc đả kích, vu cáo, xúc phạm, nhận xét, đánh giá tùy tiện có dụng ý xấu đối với tổ chức, cá nhân.

g) Sáng tác, sản xuất, tàng trữ, tán phát các tác phẩm, công trình văn học, nghệ thuật không lành mạnh, trái thuần phong mỹ tục Việt Nam, mang tính kích động gây ảnh hưởng xấu trong xã hội; tán phát bài viết, bài nói, hồi ký, hình ảnh có nội dung không đúng sự thật.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Không chấp hành kỷ luật phát ngôn và bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước đã đề lộ thông tin, tán phát tài liệu, hiện vật không đúng nguyên tắc, chế độ quy định; tung tin sai lệch về nội bộ Đảng, gây tác động xấu đến ổn định chính trị, kỷ luật, kỷ cương, sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và nhân dân, để kẻ xấu và các lực lượng thù địch lợi dụng xuyên tạc, chống phá, hạ thấp uy tín của Đảng, chống phá Nhà nước.

b) Lợi dụng dân chủ, nhân quyền hoặc góp ý với Đảng, Nhà nước để tuyên truyền chống Đảng, Nhà nước; cố ý nói, viết, lưu giữ trái phép hoặc tán phát rộng rãi các thông tin, tài liệu, hiện vật có nội dung trái Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng

hoặc đưa lên mạng những nội dung chống lại chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

c) Kích động, lôi kéo người khác tham gia hội thảo, tọa đàm ở trong nước hoặc ngoài nước không được tổ chức có thẩm quyền cho phép, có nội dung trái chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

d) Lợi dụng quyền bảo lưu ý kiến, quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp để tuyên truyền chống Đảng và Nhà nước, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

đ) Đảng viên (kể cả đang công tác hoặc đã nghỉ hưu) khi có những việc làm sai trái, đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở, giải thích nhưng không tiếp thu, tiếp tục có bài nói, viết, phát ngôn, tán phát hồi ký, đơn, thư công kích sự lãnh đạo của Đảng, bôi nhọ, vu khống làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Điều 10. Vi phạm trong công tác tổ chức, cán bộ

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Can thiệp, tác động đến tổ chức, cá nhân có thẩm quyền để bản thân hoặc người khác được bổ nhiệm, đề cử, ứng cử, đi học, thi nâng ngạch, đi nước ngoài trái quy định; nhờ, thuê người khác

hoặc nhận và thực hiện thi thuê, thi hộ, học hộ, học thuê.

b) Chỉ đạo hoặc yêu cầu đề bạt, bổ nhiệm người có vi phạm, chưa hết thời hiệu bị kỷ luật hoặc đang là đối tượng điều tra, thanh tra, kiểm tra có dấu hiệu vi phạm nhưng chưa được kết luận.

c) Thực hiện không đúng nguyên tắc, thủ tục, quy trình về công tác cán bộ; không chấp hành quy định về công tác cán bộ; làm sai lệch hoặc tự ý sửa chữa tài liệu, hồ sơ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; nhận xét, đánh giá cán bộ không có căn cứ, thiếu trung thực, không khách quan.

d) Cố ý không chấp hành quyết định điều động, luân chuyển, phân công công tác, nghỉ chế độ, chuyển sinh hoạt đảng theo quy định; không chấp hành quyết định kỷ luật đối với mình khi được tổ chức đảng có thẩm quyền công bố và trao quyết định.

đ) Chỉ đạo hoặc thực hiện tuyển dụng, cho thi nâng ngạch, đi học, đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại người thân (bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị, em ruột) không đúng quy hoạch, không đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

e) Chỉ đạo hoặc thực hiện việc tuyển dụng, tiếp nhận, bố trí công tác, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, nâng ngạch, khen thưởng, kỷ luật không đúng nguyên tắc, quy trình, quy định;

quy hoạch, đào tạo, cử người đi công tác nước ngoài không đủ tiêu chuẩn, điều kiện.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Vi động cơ cá nhân mà điều động, cho thôi việc, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, kỷ luật, giải quyết chế độ, chính sách không đúng quy định.

b) Chỉ đạo hoặc thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, sắp xếp vào làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức mình những người mà pháp luật nghiêm cấm.

c) Lợi dụng các quy định về luân chuyển, định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức để làm trái quy định hoặc trù dập cán bộ.

d) Bao che cho cán bộ, công chức, viên chức đang bị điều tra, thanh tra, kiểm tra, bị xem xét kỷ luật.

đ) Thiếu trách nhiệm hoặc vi động cơ cá nhân mà quyết định bổ nhiệm cán bộ không đúng tiêu chuẩn, điều kiện hoặc quyết định kỷ luật oan sai đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động.

e) Chạy thương tật, thành tích hoặc khai khống thành tích, quá trình công tác để được

phong hàm, đề bạt, nâng lương, khen thưởng, công nhận danh hiệu hoặc được hưởng chế độ, chính sách trái quy định.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Môi giới, nhận hối lộ trong tuyển dụng, cử tuyển, đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bố trí công tác hoặc nâng ngạch, khen thưởng, phong học hàm, xét phong tặng danh hiệu vinh dự trái quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức.

b) Chạy chức, chạy quyền, chạy bằng cấp, chạy tuổi, chạy luân chuyển, chạy tội; mua chuộc người khác để bản thân hoặc người khác được đề bạt, bổ nhiệm, chuyển đổi vị trí công tác.

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vị trí công tác để can thiệp mang tính áp đặt vào việc tuyển dụng, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, sắp xếp, điều động cán bộ.

Điều 11. Vi phạm các quy định về bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Vô ý làm lộ những thông tin, tài liệu bí mật

của Đảng và Nhà nước hoặc những việc chưa được phép công bố hoặc công khai.

b) Không chấp hành nguyên tắc bảo mật, niêm phong trong việc truyền tin, vận chuyển, giao nhận hiện vật, tài liệu mang bí mật của Đảng và Nhà nước.

c) Vi phạm các quy định về bảo vệ bí mật của Đảng, Nhà nước trong hoạt động xuất bản, báo chí và thông tin đại chúng khác.

d) Mang hiện vật, tài liệu thuộc phạm vi bí mật của Đảng, Nhà nước ra nước ngoài trái quy định.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Cung cấp, tiết lộ trái quy định những thông tin, tài liệu, hiện vật thuộc phạm vi bí mật của Đảng, Nhà nước cho cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước hoặc ngoài nước.

b) Phổ biến, tuyên truyền, viết bài, đăng tin những thông tin, tài liệu thuộc phạm vi bí mật của Đảng, Nhà nước không đúng đối tượng, phạm vi, thời điểm cần được phổ biến hoặc công bố.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất

ngghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Tự nghiên cứu, sản xuất, sử dụng mật mã để tiến hành các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia.

b) Trao đổi, tán phát thông tin, tài liệu, hiện vật có nội dung thuộc bí mật của Đảng, Nhà nước trên mạng viễn thông, internet và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Chương III

VI PHẠM CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 12. Vi phạm trong công tác phòng, chống tội phạm

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng hoặc thiếu trách nhiệm trong quản lý, giáo dục dẫn đến có vợ (chồng), con hoặc cấp dưới trực tiếp phạm tội ít nghiêm trọng, bị xử lý hình sự thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Thiếu trách nhiệm trong thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác phòng, chống tội phạm.

b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu thiếu trách nhiệm hoặc không tổ chức quán triệt, tuyên truyền về công tác phòng, chống tội phạm theo chức trách, nhiệm vụ được giao; không có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoặc không đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc phòng, chống tội phạm ở địa phương, lĩnh vực, tổ chức, cơ quan, đơn vị được giao trực tiếp phụ trách.

c) Vì thành tích hoặc trốn tránh trách nhiệm mà báo cáo không kịp thời, không đầy đủ về tình hình tội phạm ở địa phương, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp phụ trách.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc thiếu trách nhiệm trong quản lý, giáo dục dẫn đến có vợ (chồng), con hoặc cấp dưới trực tiếp phạm tội nghiêm trọng, bị xử lý hình sự hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Không thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao về phòng, chống tội phạm hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng các quy định về thanh tra, kiểm tra, điều tra, giám định, truy tố, xét xử, thi hành án và trong việc xét đặc xá, ân giảm đối với các loại tội phạm.

b) Để vợ (chồng), con lợi dụng chức vụ, vị trí công tác của mình tổ chức, thực hiện các hoạt động vi phạm pháp luật nghiêm trọng, hoặc để cấp dưới trực tiếp phạm tội nghiêm trọng hoặc bản thân bao che các vụ việc vi phạm pháp luật xảy ra trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực, địa bàn phụ trách.

c) Báo cáo không trung thực về tình hình tội phạm xảy ra trong địa bàn, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân công trực tiếp phụ trách nhằm che giấu, trốn tránh trách nhiệm.

d) Cản trở, gây khó khăn, trở ngại trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, xét đặc xá, ân giảm hoặc để hư hỏng, mất, thất lạc hồ sơ, tài liệu, chứng cứ của vụ án.

đ) Tra thù, trù dập người tố giác hành vi phạm tội của mình hoặc của bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị, em ruột.

e) Chỉ đạo, ép buộc cấp dưới do mình trực tiếp phụ trách thực hiện sai quy định dẫn đến làm sai lệch kết quả điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án hoặc xét đặc xá, ân giảm không đúng quy định.

g) Chỉ đạo, quyết định hoặc đề xuất thay đổi biện pháp ngăn chặn trái quy định của pháp luật đối với người phạm tội.

h) Bảo kê, bao che, tiếp tay cho các hoạt động vi phạm pháp luật về giao thông.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ (trừ trường hợp có vợ (chồng), con hoặc cấp dưới trực tiếp phạm tội nghiêm trọng, bị xử lý hình sự):

a) Làm sai lệch hồ sơ vụ án để không khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, miễn, giảm tội, thay đổi tội danh cho người phạm tội hoặc bao che, tiếp tay cho tội phạm.

b) Chỉ đạo, ép buộc cấp dưới do mình trực tiếp phụ trách trả thù cán bộ điều tra vụ việc vi phạm pháp luật xảy ra ở tổ chức, cơ quan, đơn vị được giao trực tiếp phụ trách.

c) Bảo kê cho những hoạt động phạm tội, gây án nghiêm trọng tại địa bàn mình trực tiếp theo dõi, phụ trách.

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định của ngành trong hoạt động nghiệp vụ hoặc trái quy định của pháp luật trong hoạt động tố tụng.

đ) Ép buộc, mua chuộc cá nhân hoặc tổ chức để bao che, giảm tội cho người khác.

e) Giấu giếm, không báo cáo hoặc tiêu hủy chứng cứ, hồ sơ, tài liệu vụ án; không đề nghị và không thực hiện việc khởi tố vụ án, khởi tố bị can, truy tố bị can theo chức trách, nhiệm vụ được giao.

Điều 13. Vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Làm trái quy định trong công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

b) Trì hoãn, lẩn tránh hoặc không cung cấp văn bản, tài liệu, chứng cứ, số liệu theo yêu cầu của tổ chức thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hoặc đối phó với đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán dưới mọi hình thức.

c) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với kết luận hoặc kiến nghị của đoàn thanh tra, kiểm tra, kiểm toán hoặc của cấp có thẩm quyền.

d) Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán vượt quá phạm vi, đối tượng, nội dung ghi trong quyết định mà không được cấp có thẩm quyền cho phép.

đ) Quyết định thanh tra, kiểm tra, kiểm toán vượt quá thẩm quyền.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Lợi dụng vị trí công tác can thiệp, áp đặt việc xây dựng kế hoạch, việc tiến hành thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, việc thực hiện kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thanh tra, kiểm tra, kiểm toán để làm trái pháp luật; sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho đối tượng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

c) Chiếm giữ, tiêu hủy tài liệu, vật chứng, làm sai lệch hồ sơ liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

d) Tiết lộ, cung cấp thông tin, tài liệu trái quy định về kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra, kiểm toán khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc về nội dung kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán khi chưa được người có thẩm quyền ký duyệt hay chưa được phép công bố.

đ) Phát hiện hành vi vi phạm trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đến mức phải xử lý mà không chỉ đạo, quyết định hoặc không kiến nghị xử lý.

e) Giấu giếm, sửa chữa chứng từ, sổ sách hoặc thay đổi chứng cứ nhằm đối phó với các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất

ng nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Cố ý kết luận hoặc tham mưu kết luận sai sự thật, quyết định xử lý trái pháp luật để bao che giảm tội cho người khác trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

b) Chống đối, cản trở, mua chuộc, trả thù, trù dập, *khống chế, vu khống* người làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, người cung cấp thông tin, tài liệu, *chứng cứ* cho hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

c) Cố ý không ra quyết định thanh tra, kiểm tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật; kết luận sai sự thật; quyết định, xử lý trái pháp luật; báo cáo sai sự thật, bao che cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 14. Vi phạm về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Viết đơn tố cáo giấu tên, mạo tên. Cùng người khác tham gia viết, ký tên trong cùng một đơn tố cáo.

b) Tham gia hoặc bị người khác xúi giục,

kích động, cưỡng ép tham gia khiếu kiện đông người gây mất trật tự, an toàn xã hội.

c) Cá nhân có trách nhiệm nhưng tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và những thông tin, tài liệu khác làm lộ danh tính người tố cáo, nội dung tố cáo; tiết lộ các thông tin, tài liệu, chứng cứ của vụ việc cho tổ chức hoặc cá nhân không có trách nhiệm biết.

d) Thiếu trách nhiệm, gây phiền hà, sách nhiễu trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc gây khó khăn, những nhiễu, cản trở đảng viên, công dân trong việc thực hiện quyền tố cáo, khiếu nại.

đ) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm bảo vệ người tố cáo.

e) Không thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của tổ chức đảng có thẩm quyền và của các cơ quan, tổ chức về khiếu nại, tố cáo những vấn đề thuộc chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Cố ý trì hoãn hoặc trốn tránh trách nhiệm trong việc giải quyết tố cáo, khiếu nại.

b) Làm sai lệch hồ sơ vụ việc trong quá trình thẩm tra, xác minh, kết luận, kiến nghị giải quyết tố cáo, khiếu nại; báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh không đúng sự thật.

c) Không chấp hành quyết định cuối cùng về giải quyết khiếu nại, tố cáo và kết luận, quyết định giải quyết tố cáo của tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể có thẩm quyền đã giải quyết đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục và có hiệu lực.

d) Vu cáo, vu khống người đang làm nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc can thiệp trái quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, vào việc giải quyết khiếu nại, tố cáo; tung tin sai sự thật về việc tố cáo và giải quyết tố cáo.

đ) Có hành vi đe dọa, trả thù, trù dập, xúc phạm người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo, cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ về hành vi tham nhũng, tiêu cực hoặc người có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo.

e) Tổ chức, tham gia, kích động, xúi giục, mua chuộc, cưỡng ép người khác khiếu nại, tố cáo.

g) Tố cáo mang tính bịa đặt, vu khống, đã kích có dụng ý xấu, bôi nhọ thanh danh, gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm của người khác.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các

trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Tổ chức, cưỡng ép, kích động, xúi giục, giúp sức, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo người khác khiếu nại, tố cáo sai sự thật hoặc gây áp lực, đòi yêu sách hoặc tập trung đông người khiếu nại, tố cáo gây rối an ninh, trật tự công cộng.

b) Lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để gây rối trật tự, gây thiệt hại cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, để chống Đảng, Nhà nước; xuyên tạc, đe dọa, xúc phạm nghiêm trọng đến uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết.

Điều 15. Vi phạm các quy định về phòng, chống tham nhũng, lãng phí

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Lợi dụng chức vụ được giao để chiếm dụng hoặc vay, mượn tiền, tài sản của tổ chức, cá nhân do mình trực tiếp quản lý trái quy định.

b) Tạo điều kiện hoặc có hành vi để bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị, em ruột thực hiện các dự án, kinh doanh các ngành nghề thuộc lĩnh vực hoặc đơn vị mình trực tiếp phụ trách hoặc có các hoạt động khác trái quy định nhằm trục lợi.

c) Kê khai tài sản, thu nhập không đúng quy định.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Dùng công quỹ của Nhà nước, tập thể hoặc tiền, tài sản của các tổ chức, cá nhân đóng góp để giao dịch, biếu xén, hối lộ hoặc sử dụng trái quy định.

b) Biết mà không báo cáo, phản ánh, xử lý các hành vi tham nhũng; không thực hiện các quy định về bảo vệ người chống tham nhũng.

c) Đưa, nhận, môi giới hối lộ; môi giới làm thủ tục hành chính hoặc lợi dụng vị trí công tác để môi giới hưởng thù lao dưới mọi hình thức trái quy định. Đưa, nhận hoa hồng hoặc môi giới đưa, nhận hoa hồng trái quy định. Những nhiều, vôi vĩnh khi thực hiện công vụ.

d) Tham ô tài sản, lợi dụng chính sách an sinh xã hội và quỹ cứu trợ, cứu nạn để tham nhũng; lợi dụng việc lập các loại quỹ để trục lợi.

đ) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong thẩm định, phê duyệt, đấu thầu, chỉ định thầu hoặc

quyết định tỉ lệ phần vốn của Nhà nước trong các doanh nghiệp nhằm trục lợi dưới mọi hình thức.

e) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác hoặc giả mạo trong công tác để trục lợi hoặc khi thi hành nhiệm vụ, công vụ, sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước, của tập thể nhằm trục lợi.

g) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, chức trách, nhiệm vụ được giao để bao che, tiếp tay cho người có hành vi vi phạm pháp luật; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, xét đặc xá, ân giảm vì vụ lợi.

h) Có hành vi khai báo không trung thực, hợp thức hóa hồ sơ để được xét giao đất không đúng đối tượng, tiêu chuẩn; thông đồng, khai khống, nâng giá đền bù không đúng với thực tế để chiếm đoạt tiền của Nhà nước, tổ chức, cá nhân trong đền bù giải phóng mặt bằng.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Mở tài khoản ở nước ngoài trái quy định; tham gia các hoạt động rửa tiền.

b) Chủ trì, tham mưu, đề xuất, tham gia ban hành các chế độ, chính sách, quy trình, thủ tục

trái quy định tạo lợi ích nhóm hoặc lợi ích cục bộ nhằm trục lợi.

c) Tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh việc kê khai tài sản, thu nhập; cản trở việc xác minh tài sản, thu nhập.

d) Không bồi hoàn, giao nộp tiền, tài sản đã sử dụng, chiếm đoạt do tham nhũng.

đ) Sử dụng dự thảo kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán để đe dọa đối tượng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhằm trục lợi.

Điều 16. Vi phạm các quy định trong đầu tư, xây dựng

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Thực hiện không đúng, không đầy đủ các quy định trong quản lý đầu tư, xây dựng.

b) Xây dựng công trình, nhà ở nằm trong khu vực cấm xây dựng; xây dựng công trình, nhà ở lấn chiếm, sai quy hoạch, vi phạm chỉ giới, cốt xây dựng; xây dựng không có hoặc không đúng với giấy phép xây dựng được cấp; xây dựng công trình, nhà ở không tuân theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng.

c) Vi phạm các quy định về an toàn tính mạng về người, tài sản và vệ sinh môi trường trong xây dựng.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Gây khó khăn, phiền hà, cản trở hoạt động đầu tư; ký duyệt dự án đầu tư, xây dựng sai quy định; lợi dụng việc đầu tư nước ngoài để giao đất, cho thuê đất trái thẩm quyền.

b) Lạm dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm pháp luật về xây dựng; dung túng, bao che cho hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng.

c) Làm trái quy định trong việc thẩm định, phê duyệt, đấu thầu dự án trong quản lý, cấp phát, thanh toán vốn.

d) Quản lý, xây dựng công trình không bảo đảm chất lượng gây đổ, sập, hỏa hoạn, tai nạn hoặc lãng phí.

đ) Lợi dụng việc kiến nghị trong đấu thầu để cản trở quá trình đấu thầu và ký kết hợp đồng, cản trở các nhà thầu khác tham gia đấu thầu.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Cấu kết, thông đồng giữa bên mời thầu với nhà thầu, giữa cơ quan quản lý nhà nước với bên

mời thầu và với nhà thầu để thay đổi hồ sơ dự thầu, thông đồng với cơ quan thẩm định, cơ quan tư vấn, giám sát, thanh tra làm ảnh hưởng đến lợi ích của tập thể, lợi ích của quốc gia.

b) Chia dự án thành các gói thầu trái với quy định; tiết lộ những tài liệu, thông tin về đấu thầu. Dàn xếp thông thầu.

c) Dùng ảnh hưởng cá nhân tác động, can thiệp hoặc cố ý báo cáo sai hoặc không trung thực về các thông tin làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu, ký kết, thực hiện hợp đồng gây thiệt hại.

Điều 17. Vi phạm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Làm trái một trong những quy định về thu lãi, trả lãi, thu lệ phí, hoa hồng, tiền phạt; không tiến hành kiểm tra trước, trong và sau khi cho vay theo quy định.

b) Vô ý làm lộ bí mật các thông tin, báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật trong ngành tài chính, ngân hàng.

c) Thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh, tái bảo lãnh, bảo lãnh mở thư tín dụng trả chậm không đúng, không đủ các điều kiện theo quy định; không trích

lập, hoặc trích lập không đủ mức ký quỹ bảo lãnh theo đúng quy định.

d) Không lưu giữ đủ hồ sơ tín dụng, cho gia hạn nợ quá thời gian hoặc quá số lần theo quy định; không thực hiện đủ hoặc không đúng các điều kiện cho vay.

đ) Hủy hoại đồng tiền trái pháp luật hoặc từ chối nhận, lưu hành đồng tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông do Ngân hàng Nhà nước phát hành.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Huy động vốn, cho vay vốn không đúng quy định; làm sai trình tự, thủ tục cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước gây thiệt hại về tài chính, tài sản của Nhà nước khi cổ phần.

b) Cho vay ưu đãi sai đối tượng; vi phạm quy định mức vốn cho vay ưu đãi; phát hiện bên vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích nhưng không chấm dứt việc cho vay hoặc không thực hiện các biện pháp thích hợp để thu hồi số tiền đã cho vay.

c) Hùn vốn, liên doanh, mua cổ phần; chuyển nhượng cổ phần, trích lập các quỹ trái quy định; sử dụng các quỹ vào việc trả lãi cổ phần hoặc chuyển ra nước ngoài không đúng quy định.

d) Để ngoài sổ sách kế toán tài sản của đơn vị kế toán hoặc tài sản liên quan đến đơn vị kế toán; huỷ bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng tài liệu kế toán trước thời hạn lưu giữ theo quy định.

đ) Thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ quy định về nghĩa vụ của các bên thế chấp và bên nhận thế chấp, cầm cố, bảo lãnh vay vốn theo quy định.

e) Vi phạm quy định về tỉ giá mua, bán ngoại tệ và chi trả kiều hối. Mua, bán và thu ngoại tệ mà không có giấy phép; cho vay, thanh toán ngoại tệ không đúng quy định.

g) Vi phạm các quy định về sản xuất, vận chuyển, mua, bán, kinh doanh vàng.

h) Thực hiện không đúng mức tiền cho vay trên giá trị tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh; nhận thế chấp, cầm cố tài sản để cho vay không đúng quy định; trốn tránh trách nhiệm trả nợ đối với bên cho vay.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Giả mạo, khai man, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man, tẩy xóa tài liệu kế toán hoặc cố ý thỏa thuận, ép buộc người

khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật.

b) Làm tiền giả; vận chuyển, tàng trữ, lưu hành tiền giả, vàng giả; tham gia hoạt động rửa tiền.

c) Thực hiện không đúng phạm vi, đối tượng thế chấp, cầm cố và bảo lãnh vay vốn; thực hiện không đúng, hoặc không đầy đủ các quy định về thế chấp, cầm cố, bảo lãnh vay vốn ngân hàng.

d) Vi phạm quy định về cấp tín dụng cho cổ đông lớn, cổ đông sáng lập; cho vay trên thị trường liên ngân hàng, mua cổ phiếu để thôn tính ngân hàng khác.

đ) Vi lợi ích cục bộ mà có hành vi thôn tính các ngân hàng thương mại hoặc cấu kết lập ra các doanh nghiệp để cho vay từ chính các ngân hàng do mình nắm giữ hoặc có cổ phần chi phối.

Điều 18. Vi phạm trong quản lý, sử dụng các loại quỹ hỗ trợ, tài trợ, nhân đạo, từ thiện

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Lợi dụng việc lập quỹ để xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và cộng đồng.

b) Lợi dụng việc lập quỹ để xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc.

c) Thực hiện không đúng quy định về lưu trữ và công khai hồ sơ, các chứng từ, tài liệu về tài sản, tài chính của quỹ; nghị quyết, biên bản về hoạt động của quỹ theo quy định.

d) Tiếp nhận, sử dụng tiền, tài sản tài trợ của quỹ không đúng mục đích, nội dung, đối tượng và theo yêu cầu của nhà tài trợ.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Vi phạm hoạt động vận động, quyên góp, tài trợ; tiếp nhận tiền, tài sản do các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tài trợ không theo đúng tôn chỉ mục đích của quỹ và quy định của pháp luật.

b) Làm giả, tẩy xóa, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn giấy phép thành lập quỹ dưới mọi hình thức.

c) Hoạt động sai mục đích, không đúng điều lệ của quỹ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

d) Vi phạm các quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, công khai tài chính của quỹ.

đ) Sử dụng tiền quỹ quyên góp để cho vay, gửi tiết kiệm lấy lãi sử dụng trái mục đích.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Tổ chức quản lý và điều hành quỹ sai quy định của pháp luật; tổ chức vận động tài trợ không đúng quy định của quỹ trong Điều lệ.

b) Lợi dụng việc lập quỹ để hoạt động bất hợp pháp hoặc có hoạt động gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, đoàn kết dân tộc hoặc để thực hiện các hành vi rửa tiền, tài trợ khủng bố, hoạt động chống phá khác.

Điều 19. Vi phạm trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Thiểu trách nhiệm, thực hiện không đầy đủ, không đúng, không kịp thời các quy định về chính sách an sinh xã hội.

b) Vi phạm trong thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, chính sách ưu đãi đối với người có công.

c) Vi phạm các quy định về việc vận động, tiếp nhận, phân phối các nguồn đóng góp tự

nguyện của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo (không đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức).

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Vi phạm trong thực hiện các chương trình xã hội, chính sách bảo hiểm thất nghiệp; kê khai sai hoặc khai khống để hưởng chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với gia đình thương binh, liệt sĩ và người có công.

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn chi sai mục đích, đối tượng, định mức, tiêu chuẩn được hưởng chính sách an sinh xã hội; tác động để bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị, em ruột được hưởng chính sách an sinh xã hội, cứu trợ, cứu nạn không đúng quy định.

c) Thiếu trách nhiệm trong việc phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn.

d) Vi phạm các quy định khác về chính sách an sinh xã hội, cứu trợ, cứu nạn, nhân đạo, từ thiện làm giảm lòng tin hoặc hiểu không đúng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

Điều 20. Vi phạm quy định về đất đai, nhà ở

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Thực hiện không đúng, không đầy đủ quy định trong quản lý nhà ở; vi phạm các quy định của pháp luật về xây dựng, phát triển nhà ở và quản lý nhà ở.

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các nghĩa vụ tài chính, các thủ tục, quy định, quyết định của Nhà nước trong quản lý đất đai, về chuyển quyền sử dụng đất, thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

c) Thiếu trách nhiệm trong quản lý để xảy ra vi phạm pháp luật về đất đai hoặc có hành vi khác gây thiệt hại đến tài nguyên đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Làm trái quy định của pháp luật trong giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, thay đổi mục đích và quyền sử dụng đất; thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, quản lý hồ sơ địa chính, ra quyết định hành chính trong quản lý đất đai; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

b) Cản trở, chống lại hoặc kích động, xúi giục, ép buộc người khác chống lại quyết định đúng pháp luật của cấp có thẩm quyền về thu hồi đất, giao đất, thực hiện các dự án quốc gia và về giải phóng mặt bằng.

c) Vi phạm pháp luật về đất đai mà gây thiệt hại cho Nhà nước, cho người khác, phải bồi thường mà không bồi thường theo quy định.

d) Có trách nhiệm nhưng không phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời, nghiêm minh những vi phạm pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai thuộc phạm vi theo dõi hoặc phụ trách.

đ) Làm trái quy định trong việc quản lý nhà, trụ sở làm việc của Đảng, Nhà nước, doanh trại đơn vị quân đội, công an và các đoàn thể chính trị - xã hội; trong sở hữu, sử dụng nhà ở của tổ chức và cá nhân được giao quản lý.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Chuyển mục đích sử dụng đất trái phép, hủy hoại đất.

b) Giả mạo, gian lận giấy tờ, làm sai lệch hồ sơ trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu đối với nhà ở.

c) Quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cấp phép khai thác tài nguyên, khoáng sản trái quy định của pháp luật nhằm trục lợi.

d) Vì lợi ích cục bộ mà ban hành các văn bản hoặc chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc cưỡng chế, thu hồi đất trái pháp luật.

Điều 21. Vi phạm về quản lý, cấp phát, sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Nhận và sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp.

b) Công chứng, chứng thực, xác nhận văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận trái quy định của pháp luật.

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng trách nhiệm cấp phát, chứng nhận bản sao hoặc xác nhận tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đã cấp.

d) Không lập hoặc lập không đầy đủ hồ sơ theo quy định làm căn cứ để cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận.

đ) Kê khai không đúng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận.

e) Có trách nhiệm quản lý phôi văn bằng, chứng chỉ nhưng thiếu trách nhiệm để người khác lợi dụng sử dụng làm văn bằng, chứng chỉ giả.

g) Không chỉ đạo kiểm tra, xem xét, xử lý cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm trong việc quyết định cấp, xác nhận, công chứng hoặc mua văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp thuộc thẩm quyền của mình.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Xin, mua, sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp để lập hồ sơ dự thi tuyển, xét tuyển, học tập nâng cao trình độ văn hoá, lý luận, nghiệp vụ, thi chuyển ngạch, nâng bậc để được đề bạt, bổ nhiệm, bầu cử, phong tặng hoặc công nhận các danh hiệu của Đảng và Nhà nước.

b) Thiếu trách nhiệm làm mất, hỏng nội dung hồ sơ mà mình có trách nhiệm quản lý để cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận.

c) Can thiệp đến cá nhân, tổ chức để bản thân hoặc người khác được xác nhận hoặc cấp

văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, không đúng đối tượng.

d) Ký, cấp văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp cho người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện; ra quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định cấp văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận trái phép.

đ) Làm giả hoặc cố ý sửa chữa, bổ sung, xác nhận sai sự thật làm sai lệch hồ sơ để cấp có thẩm quyền cấp phát văn bằng, chứng chỉ cho người không đủ điều kiện, tiêu chuẩn; sửa chữa, bổ sung làm sai lệch các nội dung trong văn bằng, chứng chỉ phục vụ cho hành vi trái pháp luật.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Làm công tác tuyển dụng, xét tuyển, đào tạo nhưng cố ý để những người không đủ tiêu chuẩn, điều kiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp được dự thi tuyển, xét tuyển đi học, thi nâng ngạch.

b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn bao che cho cán bộ, công chức, đảng viên thuộc quyền quản lý sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp.

c) Trực tiếp tham gia hoặc tiếp tay cho việc sản xuất, tiêu thụ hoặc môi giới tiêu thụ phi văn bằng, phi chứng chỉ, chứng nhận hoặc văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp.

Điều 22. Vi phạm quy định về lập hội và hoạt động của hội; biểu tình, tập trung đông người gây mất an ninh, trật tự

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Tham gia hoặc xúi giục, dụ dỗ người khác tham gia các hội trái quy định của pháp luật.

b) Tham gia hoặc xúi giục, dụ dỗ người khác tham gia các cuộc họp, hội thảo, mít tinh trái pháp luật hoặc không được cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước cho phép hoặc được phép nhưng lợi dụng để chống Đảng, Nhà nước.

c) Biết mà không báo cáo, tố cáo, tố giác hành vi vi phạm pháp luật về trật tự công cộng hoặc vi phạm quyền tự do dân chủ của công dân.

d) Không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao; có trách nhiệm nhưng không có biện pháp để ngăn chặn, loại trừ nguyên nhân, điều kiện gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng.

đ) Tổ chức, tham gia tập trung đông người trái quy định của pháp luật ở nơi đang diễn ra

các hội nghị quốc tế, kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân hoặc các hoạt động chính trị quan trọng khác của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội hoặc nơi công cộng khác.

e) Thực hiện việc tập trung đông người ở nơi công cộng nhưng không xin phép trước hoặc không thực hiện đúng nội dung đã xin phép theo quy định.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Chủ trì tổ chức hoặc chủ động vận động, xúi giục, cưỡng ép người khác tham gia các hội trái quy định.

b) Có hành vi gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng, cuộc sống bình thường của nhân dân hoặc trái với thuần phong mỹ tục, nếp sống văn minh nơi công cộng.

c) Lợi dụng các quyền tự do dân chủ của công dân để tổ chức, tham gia biểu tình, tập trung đông người, gây mất an ninh trật tự.

d) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để dung túng, bao che hoặc xử lý không nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự công cộng.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Chủ trì, khởi xướng hoặc chủ động tham gia lập các hội trái quy định của pháp luật; tổ chức hoạt động của hội trái tôn chỉ mục đích gây ảnh hưởng xấu trong xã hội.

b) Khởi xướng tôn chỉ mục đích, nội dung, hình thức; chủ trì, chuẩn bị kế hoạch, phân công, tập hợp lực lượng, tham gia bàn bạc, tuyên truyền, vận động, ủng hộ, lôi kéo, kích động, mua chuộc, cưỡng ép người khác tham gia biểu tình, tập trung đông người trái quy định của Đảng và Nhà nước, gây mất an ninh, trật tự.

c) Tổ chức hoặc tham gia biểu tình không được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép nhưng lại lợi dụng hoặc tiếp tay cho các thế lực thù địch lợi dụng để chống Đảng, chống Nhà nước.

d) Có hành vi, việc làm gây cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, của cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 23. Vi phạm quy định về hôn nhân và gia đình

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Cản trở kết hôn, ly hôn. Tảo hôn hoặc đẻ cho con tảo hôn.

b) Trốn tránh nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con, lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên.

c) Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

d) Cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom con sau khi ly hôn (trừ trường hợp cha mẹ bị hạn chế quyền thăm nom con theo quyết định của Tòa án).

đ) Trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ giám hộ sau khi đã làm thủ tục công nhận giám hộ tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

e) Sửa chữa, làm sai lệch nội dung, giả mạo giấy tờ để đăng ký nuôi con nuôi.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Vi phạm trong việc sửa chữa, làm sai lệch nội dung hoặc giả mạo giấy tờ để đăng ký kết hôn.

b) Thiếu trách nhiệm, xác nhận không đúng

tình trạng hôn nhân dẫn đến việc đăng ký kết hôn bất hợp pháp.

c) Cố ý khai gian dối hoặc có hành vi lừa dối khác khi đăng ký kết hôn, khi đăng ký nhận nuôi con nuôi.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Vi phạm quy định về cấm kết hôn, vi phạm chế độ hôn nhân một vợ, một chồng.

b) Ép buộc con làm những việc trái đạo lý, trái pháp luật mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

c) Từ chối thực hiện, không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cha mẹ, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Vi phạm quy định về kết hôn với người nước ngoài

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Có con kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không báo cáo trung thực bằng văn bản với chi bộ,

thường trực cấp ủy quản lý mình về lai lịch, thái độ chính trị của con dâu (hoặc con rể) và cha, mẹ ruột của họ.

b) Có con kết hôn với người nước ngoài vi phạm quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình Việt Nam.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Có vợ (chồng) là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhưng không báo cáo với cấp ủy trực tiếp quản lý và cấp ủy nơi mình sinh hoạt.

b) Bản thân biết mà không có biện pháp ngăn chặn việc con kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hành vi chống Đảng và Nhà nước.

c) Có hành vi ép con kết hôn với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhằm vụ lợi.

d) Môi giới kết hôn giữa người Việt Nam với người nước ngoài trái quy định của pháp luật Việt Nam.

3- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Cố tình kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà người đó không đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà người đó có hoạt động phạm tội nghiêm trọng, có thái độ hoặc hoạt động chống Đảng, Nhà nước.

c) Kết hôn với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không báo cáo bằng văn bản với chi bộ về các nội dung có liên quan đến lai lịch của người đó, hoặc đã báo cáo nhưng tổ chức đảng có thẩm quyền không đồng ý nhưng vẫn cố tình thực hiện.

d) Cố tình che giấu tổ chức đảng; ép con quan hệ hôn nhân với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trái với quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Điều 25. Vi phạm quy định về quan hệ với tổ chức, cá nhân người nước ngoài

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Tự mình hoặc có hành vi để bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị, em ruột đi du lịch, tham quan, học tập, chữa bệnh ở trong nước, ngoài nước bằng nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

b) Nhận làm việc trong các cơ quan, tổ chức hoặc với cá nhân người nước ngoài mà không báo cáo với tổ chức đảng có thẩm quyền.

c) Có mối quan hệ thân thiết với người nước ngoài nhưng không báo cáo theo quy định.

d) Tự ý ra nước ngoài mà không báo cáo hoặc chưa được sự đồng ý của cấp ủy trực tiếp quản lý và cấp ủy nơi sinh hoạt.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Có tiền, kim loại quý, đá quý, các giấy tờ có giá trị như tiền đang gửi ở ngân hàng nước ngoài trái quy định của Nhà nước.

b) Chuyển tiền, tài sản cho người nước ngoài ra nước ngoài trái quy định.

c) Làm tư vấn cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh, dịch vụ và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hại đến lợi ích quốc gia.

d) Liên doanh, liên kết, đầu tư vốn dưới mọi hình thức với cá nhân, tổ chức nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà không báo cáo hoặc khi chưa được sự đồng ý của tổ chức đảng có thẩm quyền.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Quan hệ với tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hành vi chống Đảng, Nhà nước, làm phương hại đến lợi ích quốc gia.

b) Biết nhưng vẫn nhận tài trợ của cá nhân, tổ chức có hoạt động chống Đảng và Nhà nước.

c) Đồng tình, bao che, tiếp tay cho hoạt động của người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài chống Đảng và Nhà nước.

d) Cung cấp, tiết lộ thông tin, tài liệu, hiện vật thuộc phạm vi bí mật của Đảng và Nhà nước cho nước ngoài, cho cá nhân và tổ chức chính trị thù địch, phản động dưới mọi hình thức.

đ) Hoạt động trong các đảng phái, tổ chức chính trị thù địch, phản động nước ngoài.

Điều 26. Vi phạm quy định về chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng hoặc vi phạm trong trường hợp sinh con thứ ba (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác) thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Cản trở, cưỡng bức thực hiện kế hoạch hóa gia đình; tham gia các hoạt động xét nghiệm, chẩn đoán để xác định giới tính thai nhi trái quy định.

b) Sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, cung cấp phương tiện tránh thai giả, không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, quá hạn sử dụng hoặc chưa được phép lưu hành và sử dụng tại Việt Nam.

c) Khai báo hoặc xin xác nhận không trung thực về tình trạng sức khỏe của vợ (chồng), con để thực hiện không đúng quy định hoặc để trốn tránh không bị xử lý do vi phạm chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng, hoặc vi phạm trong trường hợp sinh con thứ tư (trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác) thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ).

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất

ngghiêm trọng hoặc vi phạm trong trường hợp sinh con thứ năm trở lên hoặc vi phạm trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

Gian dối trong việc cho con đẻ hoặc nhận nuôi con nuôi mà thực chất là con đẻ nhằm cố tình sinh thêm con ngoài quy định.

Điều 27. Vi phạm quy định về đạo đức nghề nghiệp trong ngành y tế

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Vi phạm các quy chế, quy định về chuyên môn trong ngành y tế.

b) Không trung thực trong kê khai và thanh toán các chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

c) Phân biệt đối xử với người bệnh, có thái độ ban ơn, lạm dụng nghề nghiệp và gây phiền hà, sách nhiễu cho người bệnh; từ chối khám bệnh, chữa bệnh cho người bệnh.

d) Giao cho người bệnh thuốc kém chất lượng, hết hạn sử dụng, thuốc không đúng với yêu cầu và mức độ bệnh.

đ) Kê đơn và chỉ định người bệnh mua thuốc tại cửa hàng thuốc, gợi ý chuyển người bệnh tới cơ sở khám, chữa bệnh có liên quan đến mình để nhận hoa hồng.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Sử dụng người bệnh làm thực nghiệm cho những phương pháp chẩn đoán, điều trị, nghiên cứu khoa học khi chưa được phép của Bộ Y tế và sự chấp nhận của người bệnh.

b) Không hết lòng cứu chữa người bệnh, để xảy ra những hậu quả đối với người bệnh.

c) Kê đơn thuốc cho người bệnh không phù hợp với chẩn đoán và không bảo đảm sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.

d) Bản thân có thiếu sót, khuyết điểm không tự giác nhận trách nhiệm về mình, đổ lỗi cho đồng nghiệp, cho tuyến trước.

đ) Thiếu trách nhiệm trong việc khám, chữa bệnh; yêu cầu người bệnh đến khám và điều trị tại cơ sở y tế tư nhân do mình lập ra hoặc cơ sở y tế do mình tham gia thành lập nhằm trục lợi.

e) Vi phạm các quy định về chuyên môn, kỹ thuật trong khám, chữa bệnh, gây hậu quả cho người bệnh.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các

trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Tự ý rời bỏ vị trí trong khi làm nhiệm vụ, không theo dõi và xử trí kịp thời đối với các diễn biến của người bệnh dẫn đến tử vong.

b) Thờ ơ, không khẩn trương sơ cứu, cấp cứu người bệnh, chẩn đoán, xử lý kịp thời đối với người bệnh dẫn đến người bệnh bị tử vong.

c) Đặt điều kiện về vật chất hoặc ngang nhiên với vĩnh người bệnh hoặc người nhà bệnh nhân trong quá trình khám, chữa bệnh.

d) Tẩy xóa, sửa chữa hồ sơ bệnh án nhằm làm sai lệch thông tin với trách nhiệm khám, chữa bệnh.

Chương IV

VI PHẠM VỀ CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM, ĐẠO ĐỨC LỐI SỐNG, TÂM LINH, TÍN NGƯỠNG VÀ TÔN GIÁO

Điều 28. Vi phạm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Thiếu trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy chế làm việc, quy chế dân chủ ở cơ sở.

b) Không phổ biến kịp thời, chỉ đạo, tổ chức thực hiện không đúng hoặc không chỉ đạo, tổ chức thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình.

c) Thiếu kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước để cấp dưới thực hiện sai hoặc quyết định sai.

d) Giao nhiệm vụ cho cấp dưới không rõ, không đúng quyền hạn dẫn đến cấp dưới vi phạm.

đ) Cấp dưới đã báo cáo, xin chỉ thị những vấn đề thuộc thẩm quyền nhưng không kịp thời giải quyết theo quy định để tình trạng đơn, thư khiếu kiện vượt cấp phức tạp, kéo dài, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, đơn vị.

e) Không chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, đôn đốc thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập thuộc chức trách, nhiệm vụ được giao.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Thiếu kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong phạm vi trực tiếp lãnh đạo, quản lý.

b) Chỉ đạo thực hiện trái pháp luật hoặc không rõ, không nhất quán, gây thất thoát, lãng phí ngân sách, tài sản của Đảng, Nhà nước; tham mưu, đề xuất trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản trái pháp luật.

c) Thiếu trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý để đơn vị xảy ra mất đoàn kết nghiêm trọng, vi phạm pháp luật, quy trình, quy định công tác, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

d) Người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức báo cáo cấp có thẩm quyền sai sự thật; không giải quyết kịp thời những tồn tại ở địa phương, đơn vị, ngành, lĩnh vực mình phụ trách dẫn đến có nhiều sai phạm nghiêm trọng, mất đoàn kết nội bộ hoặc khiếu nại, tố cáo đông người.

đ) Bố trí bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và làm những công việc trong cơ quan, đơn vị, tổ chức do mình trực tiếp phụ trách trái quy định của Đảng và Nhà nước.

e) Đề cấp phó, người đại diện hoặc người được

mình ủy quyền làm trái chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong thực hiện nhiệm vụ, thực thi công vụ.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Bao che, tiếp tay cho hành vi vi phạm nghiêm trọng của cấp dưới, dẫn đến người vi phạm đến mức phải xử lý bằng pháp luật.

b) Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương cố tình báo cáo sai sự thật, che giấu tội phạm, hành vi vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc che giấu tình trạng mất đoàn kết nội bộ kéo dài ở nơi mình trực tiếp phụ trách.

c) Trực tiếp gây ra hoặc do quan liêu, thiếu trách nhiệm để cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương do mình trực tiếp phụ trách mất đoàn kết nghiêm trọng.

d) Người đứng đầu tổ chức kinh tế của Đảng, Nhà nước thiếu trách nhiệm hoặc cố ý làm trái các quy định dẫn đến đơn vị sản xuất, kinh doanh thua lỗ kéo dài, vi phạm pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tiền, tài sản của Nhà nước, của tập thể và cá nhân người lao động.

Điều 29. Vi phạm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Làm những việc tuy pháp luật không cấm nhưng ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức, cơ quan, đơn vị, của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên.

b) Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao trong thực thi nhiệm vụ, công vụ hoặc trốn tránh, thoái thác nhiệm vụ được giao hoặc vi phạm về quy trình công tác, bỏ vị trí công tác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

c) Có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả tài liệu về minh bạch tài sản, thu nhập mà thực hiện không đúng, không đầy đủ so với quy định.

2- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Được giao quản lý nhưng có hành vi chiếm giữ, cho thuê, cho mượn tài sản, cho vay quỹ của Nhà nước, cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng trái quy định.

b) Cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong khi giải quyết công việc.

c) Sử dụng trái phép thông tin, tài liệu, tài sản, phương tiện của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, chính sách, chế độ sai trái vì lợi ích nhóm hoặc lợi ích cục bộ.

b) Lợi dụng danh nghĩa, phương tiện cơ quan, trụ sở làm việc, cơ sở sản xuất kinh doanh, tổ chức mình công tác hoặc phụ trách để bao che, tiếp tay cho hành vi buôn lậu, sản xuất hàng giả, buôn bán hàng cấm hoặc hoạt động có tính chất tệ nạn xã hội.

Điều 30. Vi phạm về tệ nạn xã hội

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Để bố, mẹ, vợ (chồng), con cùng sống trong gia đình tham gia đánh bạc, cho vay nặng lãi

dưới mọi hình thức mà không có biện pháp ngăn chặn hoặc không báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Để bố, mẹ, vợ (chồng), con cùng sống trong gia đình sử dụng, sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển ma túy hoặc tàng trữ, lưu hành, mua bán, vận chuyển văn hóa phẩm có nội dung cấm, độc hại mà không báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2- Trường hợp đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Bản thân sử dụng các chất ma túy hoặc tham gia các tệ nạn xã hội khác.

b) Người có nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh phòng, chống tệ nạn xã hội mà dung túng, bao che, tiếp tay hoặc không kịp thời xử lý người vi phạm các hành vi mua dâm, bán dâm, sử dụng ma túy, đánh bạc, cho vay nặng lãi hoặc tàng trữ, lưu hành, mua bán, vận chuyển văn hóa phẩm có nội dung cấm, độc hại.

c) Tàng trữ, lưu hành, mua bán, vận chuyển văn hóa phẩm có nội dung độc hại.

d) Dung túng, chứa chấp hoặc do thiếu trách nhiệm để hành vi mại dâm, ma túy, đánh bạc và

tệ nạn xã hội khác xảy ra trong đơn vị, cơ quan, tổ chức, địa bàn do mình quản lý, phụ trách.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Đánh bạc, tổ chức đánh bạc dưới mọi hình thức.

b) Tổ chức sản xuất, bán hoặc lưu hành, tán phát các văn hóa phẩm có nội dung cấm, độc hại.

c) Sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển ma túy; tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy.

d) Cho vay nặng lãi, sử dụng các hành vi trái pháp luật dưới mọi hình thức để đòi nợ.

đ) Tổ chức chứa chấp và môi giới mại dâm; tổ chức hoạt động mại dâm; bảo kê mại dâm; lợi dụng kinh doanh dịch vụ để hoạt động mại dâm.

Điều 31. Vi phạm về bạo lực gia đình

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Sử dụng, truyền bá thông tin, hình ảnh, âm thanh kích động bạo lực gia đình.

b) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa

cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em ruột với nhau.

c) Ngăn cản việc phát hiện, khai báo và xử lý hành vi bạo lực gia đình.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Chiếm đoạt, hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình hoặc tài sản chung của gia đình.

b) Cưỡng ép thành viên trong gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên trong gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính.

c) Có hành vi buộc thành viên trong gia đình ra khỏi chỗ ở trái pháp luật.

d) Cưỡng bức, kích động, xúi giục, giúp sức người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình.

đ) Dung túng, bao che, không xử lý, xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi bạo lực gia đình.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các

trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Trả thù, trù dập người phát hiện, báo tin, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình.

b) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc có hành vi khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý đối với thành viên trong gia đình hoặc người có công nuôi dưỡng mình.

Điều 32. Vi phạm về đạo đức, nếp sống văn minh

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Tổ chức việc cưới, việc tang, các ngày lễ, tết, sinh nhật, mừng thọ, kỷ niệm ngày cưới, mừng nhà mới, lên chức, lên cấp, chuyển công tác xa hoa, lãng phí hoặc trái quy định.

b) Vi phạm các quy định về cấm uống rượu, bia làm ảnh hưởng đến tư cách đảng viên.

c) Có hành vi quấy rối tình dục dưới mọi hình thức.

d) Chửi bới, gây gổ, đánh nhau hoặc có hành vi thiếu văn hóa làm mất an ninh, trật tự.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này

mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Tổ chức việc cưới, việc tang với quy mô lớn, kéo dài nhiều ngày; tổ chức mừng thọ, lên chức, lên cấp, mừng nhà mới với quy mô lớn gây phản cảm hoặc dư luận bức xúc trong nhân dân, bị xã hội lên án.

b) Thiếu trách nhiệm hoặc vì động cơ cá nhân mà dung túng hoặc kích động người khác uống nhiều rượu, bia dẫn đến gây rối trật tự công cộng, vi phạm pháp luật.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Là lãnh đạo, chỉ huy nhưng có hành vi xúc phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự hoặc dùng nhục hình đối với cán bộ, chiến sĩ, nhân viên dưới quyền.

b) Là cấp dưới nhưng có hành vi xúc phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự hoặc hành hung cán bộ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy và đồng nghiệp.

Điều 33. Vi phạm về tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo

1- Đảng viên vi phạm một trong các trường hợp sau gây hậu quả ít nghiêm trọng thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách:

a) Biết mà không có biện pháp giáo dục, ngăn chặn để vợ (chồng) hoặc con sống trong gia đình tham gia các tổ chức tôn giáo bất hợp pháp, truyền đạo trái phép.

b) Mê tín đến mức cuồng tín: đi xem bói, xóc thẻ, xem số tử vi, nhờ thầy yểm bùa trừ tà ma và những việc mê tín, dị đoan khác. Đốt đồ mã với số lượng lớn.

c) Có hành vi cưỡng ép, ngăn cản hoạt động tự do tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp của người khác.

2- Trường hợp vi phạm đã bị xử lý kỷ luật theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm hoặc vi phạm lần đầu gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ):

a) Tự ý theo tôn giáo hoặc nhận giữ các chức sắc của các tổ chức tôn giáo mà không báo cáo, xin ý kiến chi bộ và tổ chức đảng quản lý trực tiếp hoặc đã báo cáo nhưng chưa được các tổ chức đảng có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

b) Phân biệt đối xử vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.

c) Tổ chức, vận động, dụ dỗ, kích động, lôi kéo, đe dọa, ép buộc người khác tham gia hoặc bản thân tham gia tôn giáo bất hợp pháp.

d) Tham gia các tổ chức tôn giáo khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép hoạt động. Vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân tác động xấu đến đoàn kết dân tộc, đến truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

đ) Bao che, tiếp tay cho các hoạt động mê tín, dị đoan trong các lễ hội; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức để trục lợi.

3- Trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc vi phạm một trong các trường hợp sau thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ:

a) Tổ chức kích động nhằm chia rẽ đoàn kết giữa các tôn giáo trong nước và ngoài nước.

b) Hoạt động mê tín, hành nghề đồng cốt, thầy cúng, thầy bói, thầy địa lý nhằm trục lợi hoặc vì mục đích khác.

c) Lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hoà bình, độc lập, thống nhất đất nước; kích động bạo lực hoặc tuyên truyền chiến tranh, tuyên truyền trái chính sách, pháp luật của Nhà nước.

d) Lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng để chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo; gây rối trật tự công cộng, xâm hại tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của tổ chức, cá nhân; gây cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân.

đ) Chủ trì, tham gia hoặc vận động, ủng hộ hoặc bao che, tiếp tay cho cá nhân, tổ chức lập mới và xây mới đền, chùa, miếu thờ, điện thờ, cơ sở thờ tự của các tôn giáo khi chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Các cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện nghiêm túc Quy định này. Định kỳ sơ kết, tổng kết việc tổ chức thực hiện Quy định và báo cáo cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên.

Điều 35. Quy định này thay thế Quy định số 94-QĐ/TW, ngày 15-10-2007 của Bộ Chính trị khóa X về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm và Quy định số 09-QĐ/TW, ngày 24-3-2011 của Bộ Chính trị bổ sung, sửa đổi Điều 7, Quy định số 94-QĐ/TW, ngày 15-10-2007 của Bộ Chính trị khóa X về xử lý kỷ luật

đảng viên vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình và có hiệu lực từ ngày ký, được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

Điều 36. Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy định này; chủ trì phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương Đảng và tổ chức đảng có liên quan đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định; định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo để Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ

Lê Hồng Anh

QUYẾT ĐỊNH

ban hành Quy chế giám sát trong Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa XI, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XI;
- Căn cứ Quyết định số 46-QĐ/TW, ngày 01-11-2011 của Ban Chấp hành Trung ương ban hành Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khóa XI;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế giám sát trong Đảng".

Điều 2. Các cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp, các tổ chức đảng và đảng viên có trách nhiệm thực hiện Quy chế này; nếu thấy có những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo Bộ Chính trị (qua Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ HỒNG ANH

QUY CHẾ

giám sát trong Đảng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 68-QĐ/TW
ngày 21-3-2012 của Bộ Chính trị)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định việc giám sát trong Đảng.

Điều 2. Mục đích giám sát

1- Chủ động nắm chắc tình hình và đánh giá đúng hoạt động của tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý; đề ra các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; góp phần bổ sung, sửa đổi các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước phù hợp với thực tiễn.

2- Phát huy ưu điểm; phát hiện hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm, kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh, khắc phục; cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên từ khi còn manh nha.

3- Góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

Điều 3. Nguyên tắc giám sát

1- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đảng lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng.

2- Cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Đảng viên thực hiện việc giám sát theo sự phân công của tổ chức đảng có thẩm quyền.

3- Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự giám sát của Đảng.

4- Việc giám sát phải dân chủ, khách quan, đúng nguyên tắc và quy định của Điều lệ Đảng.

Điều 4. Chế độ giám sát

Các chủ thể giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện giám sát như sau:

1- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác giám sát.

2- Xây dựng phương hướng, nhiệm vụ; chương trình, kế hoạch giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên.

3- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác giám sát thường xuyên và giám sát theo chương trình, kế hoạch.

4- Kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực hiện công tác giám sát.

Chương II

PHẠM VI, CHỦ THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

Điều 5. Phạm vi giám sát của các tổ chức đảng

1- Đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên giám sát các đối tượng và nội dung thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của mình.

2- Ủy ban kiểm tra các cấp giám sát các đối tượng và nội dung thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của cấp ủy cùng cấp.

3- Các ban của cấp ủy, văn phòng cấp ủy, cơ quan ủy ban kiểm tra (gọi chung là cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy) giám sát các đối tượng và nội dung thuộc phạm vi lĩnh vực phụ trách.

4- Chi bộ giám sát các đối tượng và nội dung thuộc phạm vi lãnh đạo của chi bộ.

Điều 6. Chủ thể giám sát

Chi bộ, đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở; cấp ủy,

ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên cho đến Ban Chấp hành Trung ương; ủy ban kiểm tra, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp.

Điều 7. Đối tượng giám sát

1- Đối tượng giám sát gồm: Chi bộ, đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên cho đến Bộ Chính trị; ủy ban kiểm tra các cấp; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp; ban cán sự đảng, đảng đoàn; đảng viên.

2- Đối tượng giám sát của các tổ chức đảng

a) Ban Chấp hành Trung ương giám sát: Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (cả Ủy viên chính thức và Ủy viên dự khuyết).

Bộ Chính trị, Ban Bí thư giám sát: Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương Đảng; các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

b) Cấp ủy các cấp giám sát: Ban thường vụ, thường trực cấp ủy cùng cấp từ cấp trên cơ sở trở lên, ủy ban kiểm tra cùng cấp; cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy cùng cấp.

Ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên giám sát: Thường trực cấp ủy, ủy ban kiểm tra, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cùng cấp; các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy, cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp quản lý.

c) Ủy ban kiểm tra các cấp giám sát: Chi bộ, đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy cấp dưới từ cấp trên cơ sở trở lên; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn thuộc cấp ủy cùng cấp; cấp ủy viên cùng cấp (kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ), đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp quản lý.

d) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp giám sát: Các thành viên trong cơ quan mình; cấp ủy cấp dưới, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy cấp dưới từ cấp trên cơ sở trở lên; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp dưới và đảng viên thuộc lĩnh vực phụ trách của từng cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy.

đ) Chi bộ giám sát: Đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý).

Chương III

NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC VÀ XỬ LÝ KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Điều 8. Nội dung giám sát

1- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy các cấp, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên giám sát:

a) Đối với tổ chức đảng: Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác và việc bảo đảm quyền của đảng viên; việc giữ gìn đoàn kết nội bộ, quản lý đảng viên, chỉ đạo thực hiện quy định về những điều cán bộ, đảng viên không được làm; việc chấp hành các quy định của Đảng, Nhà nước trong công tác tổ chức, cán bộ và giữ mối liên hệ với quần chúng.

b) Đối với đảng viên: Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

2- Ủy ban kiểm tra các cấp giám sát:

a) Đối với tổ chức đảng: Việc lãnh đạo, chỉ đạo: tổ chức thực hiện Cương lĩnh chính trị. Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định,

quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác toàn khóa hằng năm của cấp ủy, tổ chức đảng trên các lĩnh vực.

b) Đối với cấp ủy viên và cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý: Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước. Việc giữ gìn đạo đức, lối sống; về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; việc thực hiện chế độ kê khai và công khai tài sản của cán bộ, đảng viên theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp giám sát:

a) Đối với tổ chức đảng: Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách và những nội dung do cấp ủy giao.

b) Đối với đảng viên: Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

4- Chi bộ giám sát mọi đảng viên trong chi bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

Đối với đảng viên là cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý, chi bộ giám sát cả về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và việc thực hiện nghị quyết của chi bộ.

Điều 9. Phương pháp giám sát

1- Giám sát trực tiếp

a) Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; cấp ủy các cấp, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên giám sát trực tiếp bằng cách:

- Thực hiện đối thoại tại các kỳ hội nghị của cấp ủy.

- Nghe tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp báo cáo.

- Qua sinh hoạt kiểm điểm, tự phê bình và phê bình của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy các cấp.

- Cử thành viên cấp mình dự các cuộc họp, hội nghị của đối tượng giám sát.

- Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, ủy viên ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên gặp gỡ, trao đổi với đối tượng giám sát.

b) Ủy ban kiểm tra các cấp giám sát trực tiếp bằng cách:

- Thành viên ủy ban kiểm tra dự các cuộc họp của cấp ủy cùng cấp.

- Thành viên ủy ban kiểm tra phụ trách và cán bộ kiểm tra thường xuyên theo dõi lĩnh vực, địa bàn; dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới.

- Thành viên ủy ban kiểm tra, cán bộ kiểm tra các cấp tham gia các đoàn công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp.

- Các đồng chí thành viên ủy ban kiểm tra các cấp gặp gỡ, trao đổi với đối tượng giám sát.

- Đôn đốc, theo dõi đối tượng kiểm tra chấp hành kết luận kiểm tra, quyết định kỷ luật; đối tượng giám sát chấp hành thông báo kết quả giám sát chuyên đề.

c) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp giám sát trực tiếp bằng cách:

- Nghe các thành viên lãnh đạo cơ quan báo cáo kết quả thực hiện công việc được giao; thực hiện tự phê bình và phê bình.

- Nghe cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới, các đơn vị tham mưu, giúp việc của cơ quan mình phản ánh, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- Cử cán bộ của cơ quan theo dõi lĩnh vực, địa bàn; dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới.

- Các đồng chí lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp gặp gỡ, trao đổi với đối tượng giám sát.

d) Chi bộ giám sát trực tiếp bằng cách:

- Theo dõi, đôn đốc đảng viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Các đồng chí chỉ ủy viên gặp gỡ, trao đổi với đảng viên.

- Kiểm điểm, tự phê bình và phê bình; bình xét, phân tích, đánh giá chất lượng đảng viên.

2- Giám sát gián tiếp bằng cách

a) Xem xét báo cáo hoạt động của tổ chức đảng cấp dưới giữa hai kỳ hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy.

b) Nghiên cứu các văn bản, báo cáo; thông báo kết luận về các cuộc kiểm tra, giám sát, kết quả tự phê bình và phê bình, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới.

c) Ý kiến trao đổi, phản ánh, kiến nghị, báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của các tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội; phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng.

d) Xem xét đơn tố cáo của đảng viên và quần chúng; khiếu nại của tổ chức, cá nhân đối với tổ chức đảng, đảng viên.

Điều 10. Hình thức giám sát

1- Giám sát thường xuyên

a) Thông báo cho đối tượng giám sát biết về

thành viên của cấp ủy, ủy ban kiểm tra, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy hoặc cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ giám sát.

b) Thực hiện giám sát thường xuyên bằng phương pháp giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

2- Giám sát theo chuyên đề

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm và thông báo cho đối tượng giám sát.

b) Thành lập đoàn (tổ) giám sát (gọi chung là đoàn giám sát); xây dựng kế hoạch giám sát cụ thể đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên.

c) Có văn bản yêu cầu đối tượng giám sát viết báo cáo và cung cấp tài liệu liên quan đến nội dung giám sát.

d) Đoàn giám sát nghiên cứu báo cáo, tài liệu; làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan; chuẩn bị dự thảo báo cáo kết quả giám sát.

đ) Chủ thể giám sát yêu cầu tổ chức đảng được giám sát hoặc tổ chức đảng có đảng viên được giám sát tổ chức hội nghị để đối tượng giám sát báo cáo; đoàn giám sát trình bày dự thảo báo cáo kết quả giám sát; hội nghị thảo luận.

e) Thông báo kết quả giám sát bằng văn bản đến tổ chức đảng, đảng viên được giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan.

g) Theo dõi, đôn đốc đối tượng giám sát thực hiện thông báo kết quả giám sát.

Điều 11. Xử lý kết quả giám sát

1- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; cấp ủy các cấp, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên

a) Kịp thời nhắc nhở, lưu ý, cảnh báo bằng các hình thức thích hợp theo thẩm quyền với đối tượng giám sát về những vấn đề cần thiết.

b) Nhận xét, đánh giá kết quả giám sát; xem xét trách nhiệm của đối tượng giám sát; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

c) Yêu cầu đối tượng giám sát sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm và khắc phục hậu quả (nếu có).

d) Đề ra hoặc điều chỉnh các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, chức trách được giao.

d) Yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên có liên quan chỉ đạo đối tượng giám sát chấp hành thông báo kết quả giám sát.

e) Qua giám sát, quyết định kiểm tra chấp hành hoặc yêu cầu kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

g) Trực tiếp thực hiện hoặc chỉ đạo tuyên truyền, thông báo kết quả hoạt động giám sát theo quy định của Đảng.

2- Ủy ban kiểm tra các cấp

a) Thực hiện như quy định tại các điểm a, b; c, d của khoản 1, Điều 11 nêu trên.

b) Qua giám sát, quyết định kiểm tra chấp hành, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

c) Tuyên truyền, thông báo kết quả hoạt động giám sát theo quy định của Đảng.

3- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp

a) Thực hiện như quy định tại các điểm a, c, đ của khoản 1, Điều 11 nêu trên.

b) Nhận xét, đánh giá kết quả giám sát; đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm của đối tượng giám sát.

c) Qua giám sát, quyết định kiểm tra chấp hành hoặc đề nghị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

d) Đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền tuyên truyền, thông báo kết quả hoạt động giám sát theo quy định của Đảng.

4- Chi bộ

a) Kịp thời nhắc nhở, lưu ý, cảnh báo theo thẩm quyền đối với đảng viên được giám sát.

b) Nhận xét, đánh giá kết quả giám sát đối với đảng viên; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

c) Yêu cầu đảng viên được giám sát sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm và khắc phục hậu quả (nếu có).

d) Qua giám sát, quyết định kiểm tra chấp hành hoặc đề nghị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Chương IV

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ THỂ; TRÁCH NHIỆM, QUYỀN CỦA ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC GIÁM SÁT

Điều 12. Thẩm quyền và trách nhiệm của chủ thể giám sát

1- Thẩm quyền của chủ thể giám sát

a) Ban hành các văn bản về thực hiện công tác giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng.

b) Cử đại diện lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng hoặc cán bộ theo dõi lĩnh vực, địa bàn dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy và các tổ chức đảng cấp dưới theo quy định; lập các đoàn giám sát để tiến hành các cuộc giám sát; nắm tình hình liên quan đến đối tượng được giám sát.

c) Yêu cầu đối tượng giám sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, trả lời, trao đổi về những nội dung liên quan đến việc giám sát; yêu cầu tổ chức đảng quản lý đối tượng giám sát phối hợp thực hiện.

d) Qua giám sát, chủ thể giám sát nhận xét, đánh giá về ưu điểm, khuyết điểm và nguyên

nhân; rút kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi, nhắc nhở, cảnh báo, kiến nghị những vấn đề cần thiết.

đ) Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy cấp dưới, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên phát hiện đối tượng giám sát thực hiện không đúng nghị quyết chỉ thị, quy định của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, trái với pháp luật của Nhà nước thì yêu cầu khắc phục, sửa chữa hoặc xử lý theo thẩm quyền; nếu thấy cần thiết thì yêu cầu hủy bỏ quyết định, quy định sai trái đó.

Ủy ban kiểm tra được yêu cầu xem xét lại các quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới trái với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thu hồi, hủy bỏ quyết định của tổ chức đảng cấp dưới trái thẩm quyền về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên thực hiện không đúng nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, của cấp ủy cấp trên, pháp luật của Nhà nước thì báo cáo cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp xem xét, xử lý.

Chi bộ nếu thấy đảng viên không thực hiện, thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, có thiếu sót, khuyết điểm thì kịp thời nhắc nhở, yêu cầu đảng viên đó thực hiện đúng, chấn

chỉnh, khắc phục hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

e) Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp cử cấp ủy viên trực tiếp chỉ đạo, giám sát tổ chức đảng cấp dưới sửa chữa, khắc phục yếu kém, khuyết điểm, vi phạm.

2- Trách nhiệm của chủ thể giám sát

a) Thực hiện việc giám sát thường xuyên, giám sát theo chương trình, kế hoạch và giữ bí mật về nội dung văn bản, tài liệu, cá nhân có liên quan đến việc giám sát; phát ngôn, thông tin theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Công tâm, khách quan khi thực hiện giám sát; báo cáo, chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng có thẩm quyền về kết quả giám sát của mình.

b) Thông báo cho đối tượng giám sát về quyết định thành lập đoàn giám sát, kế hoạch giám sát chuyên đề.

c) Thông báo bằng văn bản kết quả giám sát chuyên đề cho đối tượng giám sát; đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung những vấn đề cần thiết và tiếp tục theo dõi, đôn đốc đối tượng giám sát chấp hành thông báo kết quả giám sát.

d) Báo cáo kết quả giám sát với tổ chức đảng có thẩm quyền và thông báo cho tổ chức đảng có liên quan.

đ) Chỉ đạo hoặc tổ chức tuyên truyền, phổ biến công tác giám sát theo quy định của Đảng.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền của đối tượng giám sát

1- Trách nhiệm của đối tượng giám sát

a) Chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng, của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên và cấp ủy cấp mình về công tác giám sát. Chấp hành các yêu cầu, quyết định của chủ thể giám sát hoặc của tổ chức đảng có thẩm quyền.

b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản, tài liệu; tham dự đầy đủ các cuộc họp, buổi làm việc được triệu tập; báo cáo, trả lời, trao đổi đầy đủ, trung thực với chủ thể giám sát về các nội dung được yêu cầu.

c) Thực hiện quyết định, thông báo, tiếp thu việc nhắc nhở, cảnh báo, các đề nghị hoặc yêu cầu của chủ thể giám sát; nghiên cứu, xem xét để phát huy mặt mạnh; khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm, yếu kém hoặc hậu quả gây ra và báo cáo với chủ thể giám sát.

d) Không được gây khó khăn, trở ngại; không được từ chối khi có yêu cầu giám sát của tổ chức đảng có thẩm quyền; không để lộ bí mật nội dung giám sát cho tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết.

2- Quyền của đối tượng giám sát

a) Được chủ thể giám sát thông báo trước

người được phân công giám sát thường xuyên; được nghe nhận xét, đánh giá về bản thân hay tổ chức mà mình là thành viên.

b) Được chủ thể giám sát thông báo trước quyết định, kế hoạch giám sát theo chuyên đề.

c) Trình bày ý kiến, giải trình và bảo lưu ý kiến; được sử dụng bằng chứng chứng minh về các nội dung giám sát thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chức trách của mình.

d) Từ chối trả lời, cung cấp thông tin, tài liệu không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chức trách của mình hoặc không liên quan đến nội dung giám sát hoặc thấy chủ thể giám sát thực hiện không đúng nội dung, yêu cầu, trách nhiệm, thẩm quyền giám sát.

đ) Được đề nghị, phản ánh, báo cáo với tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại nhận xét, đánh giá đối với mình hoặc xem xét lại việc giám sát không đúng nội dung, yêu cầu, trách nhiệm của chủ thể giám sát.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền của tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác giám sát

1- Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Thực hiện nghiêm túc các đề nghị hoặc yêu cầu của chủ thể giám sát thuộc chức năng, nhiệm vụ, chức trách được giao.

b) Cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm về những thông tin, tài liệu đó; không được từ chối hoặc đùn đẩy, né tránh cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề thuộc trách nhiệm, quyền hạn của mình.

c) Không tiết lộ, cung cấp thông tin, tài liệu giám sát cho các tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết.

2- Quyền của tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Được chủ thể giám sát thông báo trước thời gian, nội dung làm việc với chủ thể giám sát.

b) Trao đổi với chủ thể giám sát về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện các yêu cầu hoặc đề nghị của chủ thể giám sát.

c) Từ chối trả lời hoặc cung cấp thông tin, tài liệu không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chức trách của mình.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1- Tổ chức đảng, đảng viên, tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy chế giám sát trong Đảng được biểu dương, khen thưởng theo quy định.

2- Tổ chức đảng, đảng viên vi phạm Quy chế giám sát trong Đảng tùy nội dung, tính chất, mức

độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm để xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 16. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và chấp hành Quy chế

1- Các cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế giám sát trong Đảng. Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy chế và báo cáo cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên.

2- Các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế này và đề nghị các tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, bổ sung, sửa đổi các quy định về công tác giám sát.

3- Ủy ban kiểm tra các cấp tham mưu, giúp cấp ủy cùng cấp ban hành kế hoạch và tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế giám sát trong Đảng ở đảng bộ cấp mình.

4- Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy chế này; chủ trì phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương Đảng và tổ chức đảng có liên quan đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế; định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Quy chế này được phổ biến đến chi bộ.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ

Lê Hồng Anh

HƯỚNG DẪN

thực hiện Quy chế giám sát trong Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
 - Căn cứ Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khóa XI ban hành kèm theo Quyết định số 46-QĐ/TW, ngày 1-11-2011 của Ban Chấp hành Trung ương;
 - Căn cứ Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XI;
 - Căn cứ Quy chế giám sát trong Đảng ban hành kèm theo Quyết định số 68-QĐ/TW, ngày 21-3-2012 của Bộ Chính trị;
- Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy chế giám sát trong Đảng, như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này quy định việc giám sát trong Đảng.

Điều 2. Mục đích giám sát

1- Chủ động nắm chắc tình hình và đánh giá đúng hoạt động của tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý; đề ra các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; góp phần bổ sung, sửa đổi các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước phù hợp với thực tiễn.

2- Phát huy ưu điểm; phát hiện hạn chế, thiếu sót, khuyết điểm, kịp thời uốn nắn, chấn chỉnh, khắc phục; cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm của tổ chức đảng, đảng viên từ khi còn manh nha.

3- Góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật, bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng; ngăn chặn sự suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

Điều 3. Nguyên tắc giám sát

1- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các cấp ủy đảng lãnh đạo và tổ chức thực hiện công tác giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng.

2- Cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Đảng viên thực

hiện việc giám sát theo sự phân công của tổ chức đảng có thẩm quyền.

3- Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự giám sát của Đảng.

4- Việc giám sát phải dân chủ, khách quan, đúng nguyên tắc và quy định của Điều lệ Đảng.

Điều 4. Chế độ giám sát

Các chủ thể giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện giám sát như sau:

1- Lãnh đạo, chỉ đạo công tác giám sát.

a) Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy các cấp; ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên (gọi chung và cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy) và chi bộ đề ra các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng và đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý thực hiện công tác giám sát.

- Triển khai, quán triệt Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình về công tác giám sát.

- Xây dựng và chỉ đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cùng cấp và cấp ủy thuộc phạm vi quản lý xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, phân công cấp ủy viên, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cùng cấp thực hiện công tác giám sát; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc cấp ủy cấp dưới thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát.

- Ban hành các văn bản theo thẩm quyền để các tổ chức đảng thực hiện nhiệm vụ giám sát và các đoàn thể chính trị - xã hội, nhân dân tham gia giám sát.

- Ban hành quy định phối hợp thực hiện công tác giám sát giữa ủy ban kiểm tra với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy hoặc với các tổ chức có liên quan.

- Nghe báo cáo và chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ giám sát; giải quyết kiến nghị của các tổ chức đảng cấp dưới và định kỳ sơ kết, tổng kết về công tác giám sát.

- Lãnh đạo, chỉ đạo về tổ chức và hoạt động giám sát của ủy ban kiểm tra, cơ quan ủy ban kiểm tra.

- Đề xuất với cấp có thẩm quyền những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành các văn bản về công tác giám sát của Đảng.

b) Ủy ban kiểm tra cấp trên chỉ đạo ủy ban kiểm tra cấp dưới thực hiện công tác giám sát.

2- Xây dựng phương hướng, nhiệm vụ; chương trình, kế hoạch giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên.

a) Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên, chi bộ, ủy ban kiểm tra, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp (gọi chung là chủ thể giám sát) căn cứ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng

trong nhiệm kỳ của đảng bộ, phương hướng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên để xây dựng phương hướng, nhiệm vụ giám sát của cấp mình.

b) Hằng năm, qua nắm tình hình, nghiên cứu báo cáo, tài liệu có liên quan, các chủ thể giám sát xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát (kể cả kế hoạch giám sát đột xuất) đối với tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên và thông báo cho đối tượng giám sát biết.

3- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác giám sát thường xuyên và giám sát theo chương trình, kế hoạch.

3.1- Hướng dẫn thực hiện công tác giám sát:

a) Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý thực hiện công tác giám sát.

b) Ủy ban kiểm tra các cấp hướng dẫn cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới; chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban kiểm tra cấp dưới về công tác giám sát.

3.2- Tổ chức thực hiện công tác giám sát thường xuyên và giám sát theo chương trình, kế hoạch:

a) Chủ thể giám sát phân công thành viên của tổ chức mình và cán bộ theo dõi lĩnh vực, địa bàn thực hiện việc giám sát thường xuyên quy định tại khoản 1, Điều 10 của Hướng dẫn này. Việc thực hiện giám sát thường xuyên bằng phương pháp

giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp quy định tại Điều 9 của Hướng dẫn này.

b) Chủ thể giám sát thực hiện việc giám sát theo chương trình, kế hoạch chủ yếu là giám sát chuyên đề quy định tại khoản 2, Điều 10 của Hướng dẫn này.

4- Kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực hiện công tác giám sát.

a) Chủ thể giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiến hành kiểm tra các tổ chức đảng, đảng viên thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý thực hiện nhiệm vụ giám sát.

b) Sáu tháng, hằng năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ, các chủ thể giám sát tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác giám sát cùng với công tác kiểm tra, thi hành kỷ luật đảng của tổ chức mình. Khi cần thiết thì tiến hành sơ kết, tổng kết theo chuyên đề về công tác giám sát.

Chương II

PHẠM VI, CHỦ THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

Điều 5. Phạm vi giám sát của các tổ chức đảng

1- Đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên

giám sát các đối tượng và nội dung thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của mình.

2- Ủy ban kiểm tra các cấp giám sát các đối tượng và nội dung thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý của cấp ủy cùng cấp.

3- Các ban của cấp ủy, văn phòng cấp ủy, cơ quan ủy ban kiểm tra (gọi chung là cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy) giám sát các đối tượng và nội dung thuộc phạm vi lĩnh vực phụ trách.

4- Chi bộ giám sát các đối tượng và nội dung thuộc phạm vi lãnh đạo của chi bộ.

Điều 6. Chủ thể giám sát

Chi bộ, đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên cho đến Ban Chấp hành Trung ương; ủy ban kiểm tra, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp.

Điều 7. Đối tượng giám sát

1- Đối tượng giám sát gồm: Chi bộ, đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên cho đến Bộ Chính trị; ủy ban kiểm tra các cấp; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp; ban cán sự đảng, đảng đoàn; đảng viên.

2- Đối tượng giám sát của các tổ chức đảng

a) Ban Chấp hành Trung ương giám sát: Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Ủy ban Kiểm tra Trung ương;

các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương (cả Ủy viên chính thức và Ủy viên dự khuyết).

Bộ Chính trị, Ban Bí thư giám sát: Ủy ban Kiểm tra Trung ương; các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương Đảng; các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương; các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

b) Cấp ủy các cấp giám sát: Ban thường vụ, thường trực cấp ủy cùng cấp từ cấp trên cơ sở trở lên; ủy ban kiểm tra cùng cấp; cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy cùng cấp.

Ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên giám sát: Thường trực cấp ủy, ủy ban kiểm tra, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cùng cấp; các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy, cấp ủy viên cùng cấp và đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp quản lý.

c) Ủy ban kiểm tra các cấp giám sát: Chi bộ, đảng ủy bộ phận, đảng ủy cơ sở; cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy cấp dưới từ cấp trên cơ sở trở lên; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn thuộc cấp ủy cùng cấp; cấp ủy viên cùng cấp (kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ), đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp quản lý.

d) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp giám sát: Các thành viên trong cơ quan mình; cấp ủy cấp dưới, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy cấp dưới từ cấp trên cơ sở trở lên; các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy cấp dưới và đảng viên thuộc lĩnh vực phụ trách của từng cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy.

đ) Chi bộ giám sát: Đảng viên trong chi bộ (kể cả cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý).

Chương III

NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC VÀ XỬ LÝ KẾT QUẢ GIÁM SÁT

Điều 8. Nội dung giám sát

1- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy các cấp, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên giám sát:

a) Đối với tổ chức đảng: Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng, quy chế làm việc, chế độ công tác và việc bảo đảm quyền

của đảng viên; việc giữ gìn đoàn kết nội bộ, quản lý đảng viên, chỉ đạo thực hiện quy định về những điều cán bộ, đảng viên không được làm; việc chấp hành các quy định của Đảng, Nhà nước trong công tác tổ chức, cán bộ và giữ mối liên hệ với quần chúng.

b) Đối với đảng viên: Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

2- Ủy ban kiểm tra các cấp giám sát:

a) Đối với tổ chức đảng: Việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác toàn khoá, hằng năm của cấp ủy, tổ chức đảng trên các lĩnh vực.

b) Đối với cấp ủy viên và cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý: Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, pháp luật của Nhà nước. Việc giữ gìn đạo đức, lối sống; về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên; việc thực hiện chế độ kê khai và công khai tài sản của cán bộ, đảng viên theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp giám sát:

a) Đối với tổ chức đảng: Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thuộc lĩnh vực phụ trách và những nội dung do cấp ủy giao.

b) Đối với đảng viên: Việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

4- Chi bộ giám sát mọi đảng viên trong chi bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

Đối với đảng viên là cấp ủy viên các cấp, đảng viên thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý, chi bộ giám sát cả về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và việc thực hiện nghị quyết của chi bộ.

5- Chủ thể giám sát căn cứ nội dung giám sát quy định tại Điều 8 của Hướng dẫn này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức đảng cấp dưới, chức trách, nhiệm vụ được giao của đảng viên, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng đảng của đảng bộ trong từng thời gian để lựa chọn sát hợp nội dung giám sát theo chuyên đề.

Điều 9. Phương pháp giám sát

1- Giám sát trực tiếp

a) Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; cấp ủy các cấp, ban thường vụ

cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên giám sát trực tiếp bằng cách:

- Thực hiện đối thoại tại các kỳ hội nghị của cấp ủy.

Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy các cấp chủ yếu thực hiện giám sát trực tiếp tại các kỳ họp của cấp mình.

+ Theo quy chế làm việc, Bộ Chính trị hoặc ban thường vụ cấp ủy các cấp chuẩn bị, gửi báo cáo hoặc đề án, dự án, tờ trình, dự thảo nghị quyết, chỉ thị, kết luận... (gọi chung là báo cáo) để các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương hoặc cấp ủy viên cùng cấp nghiên cứu. Gửi phiếu chất vấn của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy viên cùng cấp cho tổ chức, cá nhân được chất vấn để chuẩn bị trả lời chất vấn theo quy định.

+ Tại hội nghị, Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy các cấp nghe đại diện Bộ Chính trị hoặc ban thường vụ cấp ủy trình bày báo cáo; Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy các cấp trao đổi, thảo luận, nghe Bộ Chính trị hoặc ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra cùng cấp trả lời các yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương hoặc của cấp ủy, nghe đại diện của tổ chức, cá nhân được chất vấn trả lời chất vấn theo quy định.

+ Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy các cấp kết luận hội nghị và đề nghị Bộ Chính trị hoặc

ban thường vụ cấp ủy tiếp thu kết luận và chỉ đạo thực hiện.

- Nghe tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp báo cáo.

Việc giám sát qua nghe tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp báo cáo do Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy các cấp thực hiện.

+ Định kỳ hoặc đột xuất, theo quy chế làm việc, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ban thường vụ cấp ủy có văn bản yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới chuẩn bị, gửi báo cáo, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát (nêu rõ thành phần, thời gian, địa điểm làm việc).

+ Chỉ đạo ủy ban kiểm tra, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy có liên quan chuẩn bị nội dung, tài liệu để làm việc với tổ chức đảng cấp dưới được giám sát cử cán bộ tham dự buổi làm việc.

+ Nghiên cứu báo cáo, tài liệu có liên quan, phát hiện vấn đề, chuẩn bị nội dung yêu cầu làm rõ.

+ Tại buổi làm việc:

** Nghe đại diện tổ chức đảng cấp dưới báo cáo, các thành viên tổ chức đảng cấp dưới trao đổi, thảo luận; các tổ chức, cá nhân có liên quan phát biểu ý kiến.*

** Trao đổi, góp ý với tổ chức đảng cấp dưới về những vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát.*

+ Thông báo kết quả giám sát cho tổ chức đảng cấp dưới được giám sát về ưu điểm, thiếu sót, khuyết điểm (nếu có) và những yêu cầu cần thiết.

- Qua sinh hoạt kiểm điểm, tự phê bình và phê bình của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ cấp ủy các cấp.

- Cử thành viên cấp mình dự các cuộc họp, hội nghị của đối tượng giám sát.

+ *Đảng viên được chủ thể giám sát giao, căn cứ lịch công tác, giấy mời (kèm văn bản, tài liệu) của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới gửi theo quy định và văn bản, tài liệu có liên quan thu thập được để nghiên cứu, chuẩn bị nội dung cần làm rõ.*

+ *Tại cuộc họp của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên được giao:*

** Theo dõi việc thảo luận, chất vấn và trả lời chất vấn, kết luận; trao đổi để nắm rõ hơn những vấn đề liên quan đến nội dung giám sát và phát biểu ý kiến (nếu thấy cần thiết).*

** Phát hiện các vấn đề qua nghiên cứu báo cáo và thảo luận, chất vấn và trả lời chất vấn tại cuộc họp. Trường hợp cần thiết, đề nghị tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát cung cấp thêm tài liệu phục vụ việc giám sát.*

** Góp ý với tổ chức đảng và đảng viên được giám sát theo thẩm quyền.*

** Báo cáo bằng văn bản để Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy xem xét, đánh giá, yêu cầu đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát về những vấn đề cần thiết.*

+ *Đảng viên được giao thực hiện nhiệm vụ phục vụ theo dõi tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát thực hiện yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy.*

- Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, ủy viên ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên gặp gỡ, trao đổi với đối tượng giám sát.

+ *Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, ủy viên ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên, căn cứ quy chế làm việc của cấp mình, chức trách, nhiệm vụ được giao, lĩnh vực, địa bàn được phân công phụ trách, qua các kênh thông tin chủ động nắm tình hình. Nếu thấy tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có thiếu sót, khuyết điểm thì chủ động gặp gỡ, yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên báo cáo cụ thể để nắm vững, làm rõ và đề nghị chấn chỉnh, khắc phục kịp thời.*

+ *Báo cáo bằng văn bản về kết quả gặp gỡ, trao đổi với Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc ban thường vụ cấp ủy cùng cấp. Trường hợp phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc ban thường vụ cấp ủy xem xét, giao ủy ban kiểm tra cùng cấp tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.*

+ Đảng viên được giao thực hiện nhiệm vụ phục vụ theo dõi tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên được giám sát chấn chỉnh, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm.

Cách gặp gỡ, trao đổi với đối tượng giám sát của các thành viên ủy ban kiểm tra, các đồng chí lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy, của các đồng chí chỉ ủy viên nêu tại các điểm b, c, d, khoản 1, Điều 9 của Hướng dẫn này thực hiện tương tự như cách gặp gỡ, trao đổi với đối tượng giám sát của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp trên cơ sở trở lên nêu trên.

b) Ủy ban kiểm tra các cấp giám sát trực tiếp bằng cách:

- Thành viên ủy ban kiểm tra dự các cuộc họp của cấp ủy cùng cấp.

+ Nghiên cứu báo cáo, đề án, dự án, tờ trình, dự thảo nghị quyết, chỉ thị, kết luận... (gọi chung là báo cáo) để phục vụ việc giám sát.

+ Tại kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy cùng cấp: Tham gia thảo luận về báo cáo và các vấn đề liên quan đến nội dung cuộc họp (theo quy chế làm việc); theo dõi việc thảo luận, chất vấn và trả lời chất vấn, kết luận; việc chấp hành quy chế làm việc trong hội nghị.

+ Phát hiện các vấn đề qua nghiên cứu báo cáo và thảo luận, chất vấn và trả lời chất vấn tại

cuộc họp của Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy cùng cấp; báo cáo ủy ban kiểm tra những vấn đề cần thiết.

+ Ủy ban kiểm tra xem xét, báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị hoặc cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp những vấn đề cần thiết.

- Thành viên ủy ban kiểm tra phụ trách và cán bộ kiểm tra thường xuyên theo dõi lĩnh vực, địa bàn; dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới.

+ Thường xuyên theo dõi, nắm tình hình về tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên bằng cách:

** Thu thập thông tin, tài liệu để nghiên cứu, xem xét, phát hiện vấn đề, đề nghị tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên được giám sát cung cấp văn bản, tài liệu phục vụ việc giám sát (khi cần thiết).*

** Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo thường trực ủy ban bằng văn bản về tình hình tổ chức đảng và đảng viên thuộc địa bàn, lĩnh vực được phân công theo dõi.*

** Nếu phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên có dấu hiệu vi phạm thì báo cáo thường trực ủy ban hoặc ủy ban kiểm tra xem xét, quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.*

+ Giám sát thông qua dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới:

Trình tự, thủ tục giám sát thực hiện tương tự như trình tự, thủ tục giám sát của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy của các thành viên của cấp mình dự các cuộc họp, hội nghị của đối tượng giám sát tại điểm a, khoản 1, Điều 9 của Hướng dẫn này.

- Thành viên ủy ban kiểm tra, cán bộ kiểm tra các cấp tham gia các đoàn công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp.

+ Thành viên ủy ban kiểm tra, cán bộ kiểm tra khi được ủy ban kiểm tra cử tham gia đoàn công tác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy cùng cấp thực hiện theo trình tự sau:

* Chủ động nắm tình hình liên quan đến nội dung, đối tượng nơi đoàn công tác đến làm việc.

* Nghiên cứu các báo cáo, tài liệu liên quan, nắm tình hình thực tế từ các kênh thông tin khác nhau về tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên nơi đoàn công tác đến làm việc để phát hiện vấn đề phục vụ công việc của đoàn công tác.

* Báo cáo kết quả tham gia đoàn công tác với thường trực ủy ban kiểm tra.

+ Đảng viên được giao thực hiện nhiệm vụ phục vụ theo dõi tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên nơi đoàn công tác đến làm việc chấp hành thông báo kết quả làm việc.

- Các đồng chí thành viên ủy ban kiểm tra các cấp gặp gỡ, trao đổi với đối tượng giám sát.

- Đôn đốc, theo dõi đối tượng kiểm tra chấp hành kết luận kiểm tra, quyết định kỷ luật; đối tượng giám sát chấp hành thông báo kết quả giám sát chuyên đề.

c) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp giám sát trực tiếp bằng cách:

- Nghe các thành viên lãnh đạo cơ quan báo cáo kết quả thực hiện công việc được giao; thực hiện tự phê bình và phê bình.

+ *Thủ trưởng hoặc tập thể lãnh đạo cơ quan nghe các thành viên lãnh đạo cơ quan báo cáo kết quả thực hiện công việc được giao theo trình tự sau:*

** Chủ động nắm tình hình qua các kênh thông tin liên quan đến nội dung mà thành viên lãnh đạo cơ quan báo cáo.*

** Nghiên cứu báo cáo của thành viên lãnh đạo cơ quan để phát hiện vấn đề, chuẩn bị ý kiến tham gia.*

** Tại cuộc họp, nghe các thành viên lãnh đạo cơ quan báo cáo kết quả thực hiện công việc được giao, kết quả thực hiện giám sát thuộc phạm vi phụ trách; nghe các đơn vị, cá nhân dự họp phát biểu ý kiến (nếu có), hội nghị thảo luận.*

** Trường hợp cần thiết, đề nghị thành viên lãnh đạo cơ quan báo cáo, trao đổi thêm các vấn đề liên quan; tiếp thu ý kiến tham gia, góp ý, kết luận của tập thể lãnh đạo cơ quan để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.*

+ *Nghe các thành viên lãnh đạo cơ quan thực hiện tự phê bình và phê bình theo trình tự sau:*

* *Chủ động nắm tình hình về các thành viên lãnh đạo cơ quan qua các kênh thông tin theo chức trách, nhiệm vụ được giao để phát hiện vấn đề.*

* *Nghiên cứu báo cáo kiểm điểm, tự phê bình và phê bình của từng thành viên lãnh đạo cơ quan.*

* *Tại cuộc họp, nghe các thành viên lãnh đạo cơ quan báo cáo kiểm điểm, tự phê bình và phê bình; nghe các đơn vị, cá nhân dự họp phát biểu ý kiến (nếu có); hội nghị thảo luận, góp ý kiến cho từng thành viên lãnh đạo cơ quan.*

* *Trường hợp thành viên lãnh đạo cơ quan có vấn đề cần phải báo cáo, giải trình sâu hơn thì đề nghị giải trình thêm để tập thể lãnh đạo cơ quan xem xét, góp ý những vấn đề cần thiết; tiếp thu ý kiến tham gia góp ý, kết luận tại cuộc họp để thực hiện.*

+ *Phân công cán bộ thực hiện nhiệm vụ phục vụ theo dõi thành viên lãnh đạo cơ quan thực hiện kết luận của tập thể lãnh đạo cơ quan.*

- *Nghe cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới, các đơn vị tham mưu, giúp việc của cơ quan mình phản ánh, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.*

Trình tự, thủ tục giám sát của lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp trong trường hợp này thực hiện tương tự trình tự, thủ tục giám sát của cấp ủy các cấp, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên (nghe tổ chức

đảng cấp dưới trực tiếp báo cáo) tại điểm a, khoản 1, Điều 9 của Hướng dẫn này.

- Cử cán bộ của cơ quan theo dõi lĩnh vực, địa bàn; dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới.

Trình tự giám sát thực hiện tương tự như trình tự giám sát của thành viên ủy ban kiểm tra phụ trách và cán bộ kiểm tra thường xuyên theo dõi lĩnh vực, địa bàn dự các cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới nêu tại điểm b, khoản 1, Điều 9 của Hướng dẫn này.

- Các đồng chí lãnh đạo các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp gặp gỡ, trao đổi với đối tượng giám sát.

d) Chi bộ giám sát trực tiếp bằng cách:

- Theo dõi, đôn đốc đảng viên thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

+ *Chi ủy viên, theo chức trách, nhiệm vụ được phân công, qua chỉ đạo, tổ chức thực hiện, nắm tình hình, kết quả thực hiện chức trách nhiệm vụ, về đạo đức lối sống của đảng viên trong chi bộ để kịp thời phát huy ưu điểm. Trường hợp thấy đảng viên trong chi bộ không thực hiện nhiệm vụ hoặc thực hiện không đúng hoặc có thiếu sót, khuyết điểm thì:*

** Nếu vấn đề phản ánh về đảng viên đã rõ thì chi ủy viên đề nghị đảng viên đó thực hiện hoặc khắc phục thiếu sót khuyết điểm.*

** Nếu vấn đề phản ánh về đảng viên phức tạp, cần phải báo cáo giải trình thì chi ủy viên báo cáo chi ủy xem xét, đề nghị đảng viên đó chuẩn bị và gửi báo cáo giải trình cho chi ủy hoặc chi bộ.*

Qua xem xét, thấy vấn đề đã rõ thì chi ủy nhắc nhở, đề nghị đảng viên được giám sát thực hiện hoặc khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, báo cáo kết quả giám sát với chi bộ.

Trường hợp vấn đề vượt quá thẩm quyền thì chi ủy báo cáo chi bộ xem xét tại cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường (nếu cần) của chi bộ như sau:

Nghe đảng viên được giám sát báo cáo, chi bộ thảo luận, góp ý kiến cho đảng viên về những vấn đề liên quan.

Người chủ trì cuộc họp thay mặt chi bộ nhận xét, đánh giá về nội dung giám sát, đề nghị đảng viên tiếp thu ý kiến đóng góp và yêu cầu của chi bộ để thực hiện hoặc khắc phục thiếu sót, khuyết điểm.

+ Chi ủy viên phụ trách công tác kiểm tra, giám sát thực hiện nhiệm vụ phục vụ theo dõi đảng viên được giám sát thực hiện hoặc khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, báo cáo kết quả giám sát với chi bộ.

Trường hợp chi bộ không có chi ủy, chỉ có bí thư chi bộ (hoặc bí thư chi bộ và phó bí thư chi bộ) thì bí thư chủ động thực hiện hoặc phân công phó bí thư chi bộ thực hiện nhiệm vụ phục vụ giám sát đảng viên theo trình tự, thủ tục nêu trên.

- Các đồng chí chi ủy viên gặp gỡ, trao đổi với đảng viên.

- Kiểm điểm, tự phê bình và phê bình; bình xét, phân tích, đánh giá chất lượng đảng viên.

+ *Chi ủy, trước hết là bí thư chi bộ chủ động nắm tình hình đảng viên trong chi bộ về tư tưởng, đạo đức, lối sống, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao, ưu điểm, thiếu sót, khuyết điểm (nếu có) để phục vụ việc giám sát trong cuộc họp.*

+ *Tại cuộc họp chi bộ:*

* *Từng đảng viên báo cáo, tự phê bình về việc thực hiện nghị quyết của chi bộ, về thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; về giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống; về chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định về những điều đảng viên không được làm, quy định của chính quyền địa phương nơi cư trú.*

* *Chi bộ tham gia góp ý kiến cho từng đảng viên được giám sát về ưu điểm, thiếu sót, khuyết điểm (nếu có).*

Trường hợp thấy đảng viên nào có vấn đề cần làm rõ, chi bộ yêu cầu đảng viên đó báo cáo cụ thể để xem xét. Nếu vấn đề đã rõ, chi bộ nhắc nhở đảng viên thực hiện hoặc khắc phục thiếu sót, khuyết điểm (nếu có).

+ *Đảng viên tiếp thu ý kiến đóng góp và yêu cầu*

của chi bộ; đề ra biện pháp thực hiện, phát huy ưu điểm hoặc khắc phục thiếu sót, khuyết điểm.

+ Chi ủy viên phụ trách công tác kiểm tra, giám sát, hoặc bí thư hoặc phó bí thư chi bộ (nếu chi bộ không có chi ủy) thực hiện nhiệm vụ phục vụ theo dõi đảng viên thực hiện hoặc khắc phục thiếu sót, khuyết điểm; báo cáo kết quả giám sát với chi bộ.

Nếu là giám sát thông qua phân tích chất lượng đảng viên thì từng đảng viên phải làm bản tự kiểm điểm, trình bày trước chi bộ để chi bộ thảo luận, đóng góp ý kiến theo trình tự nêu trên.

2- Giám sát gián tiếp bằng cách

a) Xem xét báo cáo hoạt động của tổ chức đảng cấp dưới giữa hai kỳ hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy.

b) Nghiên cứu các văn bản, báo cáo; thông báo kết luận về các cuộc kiểm tra, giám sát; kết quả tự phê bình và phê bình, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới.

c) Ý kiến trao đổi, phản ánh, kiến nghị, báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát của các tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị - xã hội; phản ánh của các phương tiện thông tin đại chúng.

d) Xem xét đơn tố cáo của đảng viên và quần chúng;

khiếu nại của tổ chức, cá nhân đối với tổ chức đảng, đảng viên.

d) Qua giám sát, nếu thấy cần thiết, chủ thể giám sát giao đảng viên thực hiện nhiệm vụ phục vụ cho giám sát như: trực tiếp trao đổi với đối tượng giám sát qua điện thoại, bằng văn bản hoặc có thể gặp trực tiếp để làm rõ vấn đề liên quan đến nội dung giám sát hoặc có thể góp ý kiến với đối tượng giám sát. Trường hợp vượt quá thẩm quyền thì báo cáo để chủ thể giám sát xem xét nhắc nhở, yêu cầu đối tượng giám sát khắc phục, sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm.

Điều 10. Hình thức giám sát

1- Giám sát thường xuyên

a) Thông báo cho đối tượng giám sát biết về thành viên của cấp ủy, ủy ban kiểm tra, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy hoặc cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ giám sát.

Chủ thể giám sát thông báo bằng văn bản việc phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy, ủy viên ủy ban kiểm tra, cán bộ kiểm tra; lãnh đạo, cán bộ, chuyên viên của các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy thực hiện giám sát thường xuyên đối với tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên.

b) Thực hiện giám sát thường xuyên bằng phương pháp giám sát trực tiếp và giám sát gián tiếp theo quy định tại Điều 9 của Quy chế này.

2- Giám sát theo chuyên đề

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm và thông báo cho đối tượng giám sát.

- Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng đảng của đảng bộ, chương trình kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên và tình hình thực tế, chủ thể giám sát xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm của cấp mình và thông báo ngay cho đối tượng giám sát biết.

- Trong chương trình, kế hoạch giám sát, các chủ thể giám sát xác định rõ nội dung, đối tượng, phương pháp tiến hành, tổ chức lực lượng, phân công tổ chức, cá nhân thực hiện.

b) Thành lập đoàn (tổ) giám sát (gọi chung là đoàn giám sát, xây dựng kế hoạch giám sát cụ thể đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên.

- Kế hoạch giám sát cụ thể đối với tổ chức đảng hoặc đảng viên phải nêu rõ nội dung giám sát là những vấn đề đang thực hiện, đối tượng giám sát, phương pháp, mốc thời điểm giám sát, thời gian giám sát. Thời gian giám sát đối với cấp trung ương không quá 30 ngày làm việc; cấp tỉnh, thành và tương đương không quá 20 ngày làm việc; cấp huyện, quận và tương đương

không quá 15 ngày làm việc; cấp cơ sở không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày triển khai quyết định giám sát.

- Chủ thể giám sát thông báo kế hoạch giám sát theo chuyên đề cho đối tượng giám sát biết trong vòng 10 ngày làm việc, trước khi tiến hành giám sát.

c) Có văn bản yêu cầu đối tượng giám sát viết báo cáo và cung cấp tài liệu liên quan đến nội dung giám sát.

Văn bản phải gửi cho đối tượng giám sát trước ít nhất 10 ngày làm việc để đối tượng giám sát chuẩn bị tài liệu và xây dựng báo cáo.

d) Đoàn giám sát nghiên cứu báo cáo, tài liệu; làm việc với các tổ chức, cá nhân có liên quan; chuẩn bị dự thảo báo cáo kết quả giám sát.

đ) Chủ thể giám sát yêu cầu tổ chức đảng được giám sát hoặc tổ chức đảng có đảng viên được giám sát tổ chức hội nghị để đối tượng giám sát báo cáo; đoàn giám sát trình bày dự thảo báo cáo kết quả giám sát; hội nghị thảo luận.

Thành phần hội nghị gồm: Đại diện chủ thể giám sát phụ trách đoàn giám sát, đoàn giám sát, tổ chức đảng và đảng viên được giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu cần).

e) Thông báo kết quả giám sát bằng văn bản đến tổ chức đảng, đảng viên được giám sát và tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Sau khi chủ thể giám sát xem xét kết quả giám sát do đoàn giám sát báo cáo thì đại diện chủ thể giám sát và trưởng đoàn giám sát thông báo kết quả giám sát bằng văn bản đến đối tượng giám sát và tổ chức đảng có liên quan để chấp hành.

- Nếu đối tượng giám sát có dấu hiệu vi phạm thì chủ thể giám sát xem xét chuyển ủy ban kiểm tra tiến hành kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Trường hợp ủy ban kiểm tra thấy đối tượng giám sát có dấu hiệu vi phạm thì xem xét, quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

g) Theo dõi, đôn đốc đối tượng giám sát thực hiện thông báo kết quả giám sát.

Đảng viên được phân công đôn đốc, nhắc nhở đối tượng giám sát thực hiện thông báo kết quả giám sát và báo cáo chủ thể giám sát về kết quả thực hiện của đối tượng giám sát.

Điều 11. Xử lý kết quả giám sát

1- Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; cấp ủy các cấp, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên

a) Kịp thời nhắc nhở, lưu ý, cảnh báo bằng các hình thức thích hợp theo thẩm quyền với đối tượng giám sát về những vấn đề cần thiết.

Các hình thức nhắc nhở, lưu ý, cảnh báo:

- Cấp ủy viên, thành viên ủy ban kiểm tra, thành viên lãnh đạo cơ quan tham mưu, giúp việc

của cấp ủy, đảng viên được chủ thể giám sát phân công phụ trách, theo dõi lĩnh vực, địa bàn trực tiếp gặp trao đổi với đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên được giám sát.

- Đoàn giám sát, thành viên đoàn giám sát trực tiếp trao đổi với tổ chức đảng hoặc đảng viên được giám sát theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Đại diện của chủ thể giám sát trực tiếp gặp trao đổi với đại diện tổ chức đảng hoặc đảng viên được giám sát.

- Chủ thể giám sát gửi văn bản cho tổ chức đảng hoặc đảng viên được giám sát để nhắc nhở, đề nghị hoặc yêu cầu thực hiện những vấn đề cần thiết.

b) Nhận xét, đánh giá kết quả giám sát; xem xét trách nhiệm của đối tượng giám sát; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

c) Yêu cầu đối tượng giám sát sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm và khắc phục hậu quả (nếu có).

d) Đề ra hoặc điều chỉnh các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ, chức trách được giao.

đ) Yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên có liên quan chỉ đạo đối tượng giám sát chấp hành thông báo kết quả giám sát.

e) Qua giám sát, quyết định kiểm tra chấp hành hoặc yêu cầu kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

- Nếu thấy cần kiểm tra thì chủ thể giám sát quyết định kiểm tra chấp hành theo thẩm quyền.

- Nếu phát hiện đối tượng giám sát có dấu hiệu vi phạm cần phải kiểm tra thì chủ thể giám sát yêu cầu hoặc đề nghị thường trực ủy ban kiểm tra hoặc ủy ban kiểm tra cùng cấp xem xét, quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

g) Trực tiếp thực hiện hoặc chỉ đạo tuyên truyền, thông báo kết quả hoạt động giám sát theo quy định của Đảng.

2- Ủy ban kiểm tra các cấp

a) Thực hiện như quy định tại các điểm a, b, c, d của khoản 1, Điều 11 nêu trên.

b) Qua giám sát, quyết định kiểm tra chấp hành, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

c) Tuyên truyền, thông báo kết quả hoạt động giám sát theo quy định của Đảng.

3- Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy các cấp

a) Thực hiện như quy định tại các điểm a, c, d của khoản 1, Điều 11 nêu trên.

b) Nhận xét, đánh giá kết quả giám sát; đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý trách nhiệm của đối tượng giám sát.

c) Qua giám sát, quyết định kiểm tra chấp hành hoặc đề nghị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

d) Đề nghị tổ chức đảng có thẩm quyền tuyên truyền, thông báo kết quả hoạt động giám sát theo quy định của Đảng.

4- Chi bộ

a) Kịp thời nhắc nhở, lưu ý, cảnh báo theo thẩm quyền đối với đảng viên được giám sát.

b) Nhận xét, đánh giá kết quả giám sát đối với đảng viên; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

c) Yêu cầu đảng viên được giám sát sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm và khắc phục hậu quả (nếu có).

d) Qua giám sát, quyết định kiểm tra chấp hành hoặc đề nghị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Chương IV

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ THỂ; TRÁCH NHIỆM, QUYỀN CỦA ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC GIÁM SÁT

Điều 12. Thẩm quyền và trách nhiệm của chủ thể giám sát

1- Thẩm quyền của chủ thể giám sát

a) Ban hành các văn bản về thực hiện công tác giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng.

b) Cử đại diện lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng hoặc cán bộ theo dõi lĩnh vực, địa bàn dự các

cuộc họp, hội nghị của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy và các tổ chức đảng cấp dưới theo quy định; lập các đoàn giám sát để tiến hành các cuộc giám sát; nắm tình hình liên quan đến đối tượng được giám sát.

c) Yêu cầu đối tượng giám sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, trả lời, trao đổi về những nội dung liên quan đến việc giám sát; yêu cầu tổ chức đảng quản lý đối tượng giám sát phối hợp thực hiện.

- Đoàn giám sát khi thực hiện giám sát được đề nghị tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên được giám sát báo cáo, trả lời, trao đổi, cung cấp văn bản, tài liệu phục vụ việc giám sát. Yêu cầu tổ chức đảng quản lý đối tượng giám sát phối hợp thực hiện; yêu cầu hoặc đề nghị tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ việc giám sát.

- Đảng viên được giao thực hiện nhiệm vụ phục vụ giám sát được yêu cầu hoặc đề nghị đối tượng giám sát, các tổ chức có liên quan và đảng viên cung cấp thông tin, tài liệu hoặc trả lời, trao đổi theo yêu cầu giám sát.

d) Qua giám sát, chủ thể giám sát nhận xét, đánh giá về ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân; rút kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện; bổ sung, sửa đổi, nhắc nhở, cảnh báo, kiến nghị những vấn đề cần thiết.

Chủ thể giám sát yêu cầu đối tượng giám sát sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm, khắc phục hậu quả gây ra (nếu có). Yêu cầu tổ chức đảng quản lý đối tượng giám sát chỉ đạo, tạo điều kiện để đối tượng giám sát thực hiện thông báo kết quả giám sát.

đ) Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy cấp dưới, ban thường vụ cấp ủy từ cấp trên cơ sở trở lên phát hiện đối tượng giám sát thực hiện không đúng nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, của cấp ủy cấp trên và cấp mình, trái với pháp luật của Nhà nước thì yêu cầu khắc phục, sửa chữa hoặc xử lý theo thẩm quyền; nếu thấy cần thiết thì yêu cầu hủy bỏ quyết định, quy định sai trái đó.

Ủy ban kiểm tra được yêu cầu xem xét lại các quyết định của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới trái với chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thu hồi, hủy bỏ quyết định của tổ chức đảng cấp dưới trái thẩm quyền về công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy phát hiện tổ chức đảng cấp dưới hoặc đảng viên thực hiện không đúng nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, của cấp ủy cấp trên, pháp luật của Nhà nước thì báo cáo cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cùng cấp xem xét, xử lý.

Chi bộ nếu thấy đảng viên không thực hiện, thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, có thiếu sót, khuyết điểm thì kịp thời nhắc nhở, yêu cầu đảng viên đó thực hiện đúng, chấn chỉnh, khắc phục hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

e) Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp cử cấp ủy viên trực tiếp chỉ đạo, giám sát tổ chức đảng cấp dưới sửa chữa, khắc phục yếu kém, khuyết điểm, vi phạm.

2- Trách nhiệm của chủ thể giám sát

a) Thực hiện việc giám sát thường xuyên, giám sát theo chương trình, kế hoạch và giữ bí mật về nội dung văn bản, tài liệu, cá nhân có liên quan đến việc giám sát; phát ngôn, thông tin theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Công tâm, khách quan khi thực hiện giám sát; báo cáo, chịu trách nhiệm trước tổ chức đảng có thẩm quyền về kết quả giám sát của mình.

Đoàn giám sát, đảng viên được giao thực hiện nhiệm vụ phục vụ giám sát có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát bằng văn bản với chủ thể giám sát; lập, quản lý, lưu giữ và nộp lưu hồ sơ giám sát theo quy định.

b) Thông báo cho đối tượng giám sát về quyết định thành lập đoàn giám sát, kế hoạch giám sát chuyên đề.

c) Thông báo bằng văn bản kết quả giám sát chuyên đề cho đối tượng giám sát; đề xuất, kiến nghị

cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung những vấn đề cần thiết và tiếp tục theo dõi, đôn đốc đối tượng giám sát chấp hành thông báo kết quả giám sát.

d) Báo cáo kết quả giám sát với tổ chức đảng có thẩm quyền và thông báo cho tổ chức đảng có liên quan.

đ) Chỉ đạo hoặc tổ chức tuyên truyền, phổ biến công tác giám sát theo quy định của Đảng.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền của đối tượng giám sát

1- Trách nhiệm của đối tượng giám sát

a) Chấp hành nghiêm chỉnh Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng, của cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên và cấp ủy cấp mình về công tác giám sát. Chấp hành các yêu cầu, quyết định của chủ thể giám sát hoặc của tổ chức đảng có thẩm quyền.

Đối tượng giám sát phải gửi trước cho chủ thể giám sát lịch công tác, giấy mời (kèm các văn bản, tài liệu) các cuộc họp, hội nghị của tổ chức mình để chủ thể giám sát cử người tham dự thực hiện nhiệm vụ giám sát.

b) Cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản, tài liệu; tham dự đầy đủ các cuộc họp, buổi làm việc được triệu tập; báo cáo, trả lời, trao đổi đầy đủ, trung thực với chủ thể giám sát về các nội dung được yêu cầu.

c) Thực hiện quyết định, thông báo, tiếp thu việc nhắc nhở, cảnh báo, các đề nghị hoặc yêu cầu của chủ thể giám sát; nghiên cứu, xem xét để phát huy mặt mạnh; khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm, yếu kém hoặc hậu quả gây ra và báo cáo với chủ thể giám sát.

d) Không được gây khó khăn, trở ngại; không được từ chối khi có yêu cầu giám sát của tổ chức đảng có thẩm quyền; không để lộ bí mật nội dung giám sát cho tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết.

2- Quyền của đối tượng giám sát

a) Được chủ thể giám sát thông báo trước người được phân công giám sát thường xuyên; được nghe nhận xét, đánh giá về bản thân hay tổ chức mà mình là thành viên.

b) Được chủ thể giám sát thông báo trước quyết định, kế hoạch giám sát theo chuyên đề.

c) Trình bày ý kiến, giải trình và bảo lưu ý kiến; được sử dụng bằng chứng chứng minh về các nội dung giám sát thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chức trách của mình.

d) Từ chối trả lời, cung cấp thông tin, tài liệu không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chức trách của mình hoặc không liên quan đến nội dung giám sát hoặc thấy chủ thể giám sát thực hiện không đúng nội dung, yêu cầu, trách nhiệm, thẩm quyền giám sát.

đ) Được đề nghị, phản ánh, báo cáo với tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét lại nhận xét, đánh giá đối với mình hoặc xem xét lại việc giám sát không đúng nội dung, yêu cầu, trách nhiệm của chủ thể giám sát.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền của tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác giám sát

1- Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Thực hiện nghiêm túc các đề nghị hoặc yêu cầu của chủ thể giám sát thuộc chức năng, nhiệm vụ, chức trách được giao.

b) Cung cấp thông tin, tài liệu đầy đủ, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm về những thông tin, tài liệu đó; không được từ chối hoặc đùn đẩy, né tránh cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề thuộc trách nhiệm, quyền hạn của mình.

c) Không tiết lộ, cung cấp thông tin, tài liệu giám sát cho các tổ chức, cá nhân không có trách nhiệm biết.

2- Quyền của tổ chức, cá nhân có liên quan

a) Được chủ thể giám sát thông báo trước thời gian, nội dung làm việc với chủ thể giám sát.

b) Trao đổi với chủ thể giám sát về những vấn đề liên quan đến việc thực hiện các yêu cầu hoặc đề nghị của chủ thể giám sát.

c) Từ chối trả lời hoặc cung cấp thông tin, tài liệu không thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chức trách của mình.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1- Tổ chức đảng, đảng viên, tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Quy chế giám sát trong Đảng được biểu dương, khen thưởng theo quy định.

2- Tổ chức đảng, đảng viên vi phạm Quy chế giám sát trong Đảng tùy nội dung, tính chất, mức độ, tác hại, nguyên nhân vi phạm để xem xét, xử lý theo quy định.

Việc xử lý tổ chức đảng, đảng viên vi phạm thực hiện theo quy định của Điều lệ Đảng, Hướng dẫn thực hiện các quy định về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng trong Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng khóa XI ban hành kèm theo Quyết định số 46-QĐ/TW, ngày 01-11-2011 của Ban Chấp hành Trung ương và Quy định của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm.

Điều 16. Trách nhiệm tổ chức thực hiện và chấp hành Quy chế

1- Các cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức việc

ngiên cứu, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện nghiêm túc Quy chế giám sát trong Đảng. Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy chế và báo cáo cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên.

Sáu tháng, hằng năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ, cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp làm báo cáo kết quả thực hiện Quy chế giám sát trong Đảng kết hợp với công tác kiểm tra, kỷ luật đảng và gửi cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp. Ủy ban kiểm tra các cấp chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy tham mưu, giúp cấp ủy cùng cấp sơ kết, tổng kết thực hiện Quy chế giám sát trong Đảng ở cấp mình.

2- Các cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế này và đề nghị các tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét, bổ sung, sửa đổi các quy định về công tác giám sát.

3- Ủy ban kiểm tra các cấp tham mưu, giúp cấp ủy cùng cấp ban hành kế hoạch và tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện Quy chế giám sát trong Đảng ở đảng bộ cấp mình.

4- Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Quy chế này; chủ trì phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương Đảng và tổ chức đảng có liên quan đôn đốc, theo dõi,

kiểm tra việc thực hiện Quy chế; định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Hướng dẫn này được phổ biến đến chi bộ để thực hiện và thay thế các hướng dẫn thực hiện công tác giám sát của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trước đây.

Quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì báo cáo để Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Chủ nhiệm

NGÔ VĂN DỤ

QUYẾT ĐỊNH

ban hành Quy chế chất vấn trong Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa X;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này "Quy chế chất vấn trong Đảng".

Điều 2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn và đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

TM. BỘ CHÍNH TRỊ
TRƯỜNG TẤN SANG

QUY CHẾ

chất vấn trong Đảng

*(Kèm theo Quyết định số 158-QĐ/TW
ngày 12-5-2008 của Bộ Chính trị)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Khái niệm, phạm vi điều chỉnh của chất vấn và trả lời chất vấn

1- Chất vấn và trả lời chất vấn trong Đảng là việc đảng viên hỏi và được trả lời về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức đảng hoặc chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn đảng viên, cấp ủy viên, trừ những vấn đề bí mật theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2- Quy chế này quy định việc chất vấn và trả lời chất vấn trong hội nghị cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, được áp dụng đối với đảng viên, cấp ủy viên, cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu của chất vấn và trả lời chất vấn

1- Chất vấn và trả lời chất vấn nhằm phát huy

dân chủ, nâng cao trách nhiệm và năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên, góp phần ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống của đảng viên.

2- Chất vấn và trả lời chất vấn nhằm tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Điều 3. Nguyên tắc chất vấn và trả lời chất vấn

1- Việc chất vấn và trả lời chất vấn phải tuân theo Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý của tổ chức đảng theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu tổ chức đảng.

2- Đảng viên có quyền chất vấn hoạt động của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, đảng viên trong phạm vi cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, đảng bộ mà mình là thành viên và phải chịu trách nhiệm về nội dung chất vấn của mình. Tổ chức đảng, đảng viên là đối tượng chất vấn có trách nhiệm trả lời chất vấn và phải chịu trách nhiệm về nội dung trả lời chất vấn của mình.

3- Chất vấn và trả lời chất vấn được tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thẳng thắn, trên tinh thần xây dựng, đúng nguyên tắc sinh hoạt

đảng, pháp luật của Nhà nước và những quy định tại Quy chế này.

4- Không được lợi dụng chất vấn và trả lời chất vấn để gây mất đoàn kết nội bộ hoặc đưa ra những thông tin không có căn cứ, làm mất uy tín của tổ chức đảng và đảng viên; không được tự ý tuyên truyền, phổ biến nội dung chất vấn và trả lời chất vấn cho các tổ chức, cá nhân không liên quan.

Chương II

CHỦ THỂ, ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP CHẤT VẤN VÀ TRẢ LỜI CHẤT VẤN

Điều 4. Chủ thể chất vấn: đảng viên, cấp ủy viên.

Điều 5. Đối tượng chất vấn

- 1- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp.
- 2- Đảng viên, cấp ủy viên.

Điều 6. Nội dung chất vấn

Nội dung chất vấn chủ yếu là những vấn đề có trong chương trình hội nghị được thông báo trước; tập trung vào những vấn đề cụ thể có liên quan như sau:

1- Đối với cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy

- a) Việc lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, thực hiện

các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của cấp trên và của cấp mình.

b) Việc chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức đảng cấp dưới quán triệt, thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là trong sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy và công tác cán bộ.

c) Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ chuyên môn, công tác xây dựng đảng của cấp mình và của tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

2- Đối với đảng viên

Việc thực hiện tiêu chuẩn, nhiệm vụ đảng viên, tiêu chuẩn và nhiệm vụ cấp ủy viên (nếu là cấp ủy viên), nhiệm vụ được giao.

Về việc giữ gìn phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên và người thân trong gia đình.

Điều 7. Phương pháp chất vấn và trả lời chất vấn

1- Chất vấn

Chất vấn được tiến hành tại hội nghị cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy bằng hình thức hỏi trực tiếp hoặc bằng văn bản. Người chất vấn gửi ý kiến chất vấn trước khi tổ chức hội nghị từ 3 đến 5 ngày để ban tổ chức hội nghị hoặc người chủ trì hội nghị xem xét, quyết định việc tổ chức trả lời chất vấn.

Trong chương trình hội nghị của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, tùy thuộc vào số lượng và nội dung chất vấn mà dành thời gian thích hợp để chất vấn và trả lời chất vấn.

2- Trả lời chất vấn

- Ban tổ chức hội nghị hoặc người chủ trì hội nghị công bố trình tự những vấn đề chất vấn và trả lời chất vấn.

- Đối tượng chất vấn là cá nhân đảng viên thì đảng viên đó trực tiếp trả lời chất vấn. Đối tượng chất vấn là cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy thì cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trao đổi, thống nhất ý kiến và phân công người trực tiếp trả lời. Người trả lời là người đứng đầu hoặc cấp phó nhưng đều phải chịu trách nhiệm về nội dung trả lời chất vấn.

- Nếu người chất vấn chưa đồng ý với nội dung trả lời chất vấn thì đặt thêm câu hỏi để người trả lời chất vấn trả lời trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Vấn đề hỏi thêm phải liên quan đến nội dung trả lời chất vấn, có nội dung cụ thể, địa chỉ rõ ràng và ngắn gọn.

- Trường hợp không có điều kiện trả lời chất vấn ngay trong hội nghị thì trong vòng 15 ngày kể từ ngày được chất vấn, đối tượng chất vấn phải trả lời chất vấn bằng văn bản hoặc đề nghị được trả lời tại kỳ họp sau. Văn bản trả lời chất vấn phải gửi cho người chủ trì hội nghị.

Chương III

QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI CHẤT VẤN VÀ NGƯỜI TRẢ LỜI CHẤT VẤN

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của người chất vấn

1- Quyền của người chất vấn

a) Yêu cầu người trả lời chất vấn trả lời những nội dung chất vấn theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

b) Nếu người trả lời chất vấn không trả lời đúng nội dung chất vấn thì người chất vấn được đề nghị ban tổ chức hội nghị hoặc người chủ trì chỉ đạo để đối tượng chất vấn thực hiện.

2- Trách nhiệm của người chất vấn

a) Chất vấn đúng đối tượng, nội dung và các quy định tại Quy chế này.

b) Công khai rõ họ tên, chức vụ, địa chỉ của mình, nêu rõ nội dung chất vấn và tổ chức đảng hoặc đảng viên có trách nhiệm trả lời chất vấn.

c) Gửi nội dung chất vấn cho người trả lời chất vấn theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

d) Cung cấp tài liệu có liên quan đến nội dung chất vấn (nếu có).

Điều 9. Quyền và trách nhiệm của người trả lời chất vấn

1- Quyền của người trả lời chất vấn

a) Đề nghị người chất vấn giải thích những nội dung chất vấn chưa rõ.

b) Chọn hình thức trả lời chất vấn theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

c) Từ chối trả lời nếu nội dung chất vấn là những vấn đề thuộc bí mật theo quy định của Đảng và Nhà nước, những vấn đề không có nội dung và địa chỉ cụ thể, không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người trả lời chất vấn.

2- Trách nhiệm của người trả lời chất vấn

a) Trả lời chất vấn theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

b) Tiếp nhận và trả lời chất vấn một cách khách quan, trung thực; không được từ chối hoặc đùn đẩy, né tránh trả lời chất vấn về những vấn đề thuộc trách nhiệm, quyền hạn của mình. Nếu cố tình không thực hiện thì tùy mức độ sai phạm mà tổ chức đảng xem xét trách nhiệm.

Điều 10. Trách nhiệm lãnh đạo, thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn

1- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, giáo dục các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện nghiêm túc quyền và trách nhiệm trong hoạt động chất vấn.

a) Lãnh đạo tạo điều kiện cho đảng viên, cấp ủy viên thực hiện quyền và trách nhiệm chất vấn, trả lời chất vấn.

b) Lưu trữ văn bản, tài liệu chất vấn và trả lời chất vấn.

2- Ban tổ chức hội nghị hoặc người chủ trì hội nghị:

a) Nhận các đề nghị chất vấn của đảng viên, cấp ủy viên.

b) Phân loại, xử lý các nội dung chất vấn để bố trí thời gian và yêu cầu đối tượng chất vấn trả lời bằng hình thức thích hợp.

c) Nhận trả lời chất vấn theo quy định (nếu tại kỳ họp người trả lời chất vấn chưa trả lời được) và thông báo cho người chất vấn biết.

3- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, đảng viên nêu cao ý thức tự phê bình và phê bình; nâng cao nhận thức, nắm bắt thông tin chính xác để thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn đúng quy định.

4- Xử lý nghiêm những tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế chất vấn với dụng ý xấu, làm mất uy tín của tổ chức đảng, đảng viên; trù dập người chất vấn hoặc đùn đẩy, né tránh, không trả lời chất vấn những vấn đề thuộc trách nhiệm của mình.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Các cấp ủy, tổ chức đảng có trách nhiệm tổ chức nghiên cứu, quán triệt thực hiện và

kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này. Định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy chế và báo cáo kết quả thực hiện cho cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp.

Điều 12. Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Chính trị kết quả thực hiện Quy chế. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi thì phản ánh về Ủy ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo Bộ Chính trị xem xét, quyết định.

Quy chế này được phổ biến đến chi bộ để thực hiện.

HƯỚNG DẪN

**thực hiện việc chất vấn của cấp ủy viên
tại các kỳ họp của ban chấp hành đảng bộ
các cấp**

- Căn cứ Điều lệ Đảng; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa XI;

- Căn cứ Quy chế chất vấn trong Đảng (ban hành kèm theo Quyết định số 158-QĐ/TW, ngày 12-5-2008 của Bộ Chính trị khóa X);

- Căn cứ Kế hoạch số 08-KH/TW, ngày 12-3-2012 của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay";

Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện việc chất vấn của cấp ủy viên tại các kỳ họp ban chấp hành đảng bộ các cấp như sau:

I- QUY ĐỊNH CHUNG

1- Khái niệm, phạm vi

a) Chất vấn và trả lời chất vấn tại các kỳ họp ban chấp hành đảng bộ các cấp (gọi chung

là cấp ủy) là việc các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ, kể cả bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ (gọi chung là cấp ủy viên) hỏi và được trả lời về việc thực hiện trách nhiệm, quyền hạn của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy, ủy ban kiểm tra cùng cấp; chức trách, nhiệm vụ, tiêu chuẩn cấp ủy viên cùng cấp, trừ những vấn đề bí mật theo quy định của Đảng và Nhà nước.

b) Hướng dẫn này quy định việc chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp của ban chấp hành đảng bộ các cấp và được áp dụng đối với các đồng chí cấp ủy viên cùng cấp và ban thường vụ, thường trực cấp ủy, ủy ban kiểm tra cùng cấp.

2- Mục đích, yêu cầu

a) Phát huy dân chủ, nâng cao trách nhiệm, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, ủy ban kiểm tra, đề cao chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp ủy viên trong sinh hoạt đảng, góp phần ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống, nâng cao chất lượng hoạt động của tập thể lãnh đạo và từng đồng chí cấp ủy viên; tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong cấp ủy và trong toàn Đảng.

b) Chất vấn của các đồng chí cấp ủy viên và

việc trả lời chất vấn của đại diện cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy, ủy ban kiểm tra hoặc của đồng chí cấp ủy viên phải được tiến hành trực tiếp, công khai, dân chủ với tinh thần trách nhiệm xây dựng, khách quan, thẳng thắn, chân thành, thể hiện tình đồng chí, bảo đảm đúng nguyên tắc sinh hoạt đảng.

3- Nguyên tắc chất vấn

a) Việc chất vấn và trả lời chất vấn phải tuân theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước, bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời đề cao trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức đảng.

b) Các đồng chí cấp ủy viên có quyền chất vấn hoạt động của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy, ủy ban kiểm tra, các đồng chí cấp ủy viên tại kỳ họp của cấp ủy cấp mình và chịu trách nhiệm về nội dung chất vấn. Tổ chức, cá nhân là đối tượng chất vấn có trách nhiệm trả lời chất vấn và chịu trách nhiệm về nội dung trả lời của mình.

c) Không lợi dụng chất vấn để gây mất đoàn kết nội bộ hoặc đưa ra những thông tin không có căn cứ, làm mất uy tín của tổ chức, cá nhân; không tuyên truyền, phổ biến nội dung chất vấn và trả lời chất vấn cho các tổ chức, cá nhân không liên quan.

II- CHỦ THỂ, ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC CHẤT VẤN VÀ TRẢ LỜI CHẤT VẤN

1- Chủ thể và đối tượng

a) Chủ thể chất vấn: Các đồng chí cấp ủy viên.

b) Đối tượng chất vấn:

- Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy, ủy ban kiểm tra.

- Cá nhân các đồng chí cấp ủy viên.

2- Nội dung chất vấn

2.1- Đối với tổ chức

a) Các nội dung có liên quan đến chức trách, nhiệm vụ cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy, ủy ban kiểm tra được thể hiện trong quy chế làm việc của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy và ủy ban kiểm tra mỗi cấp.

b) Việc lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, nghị quyết đại hội đảng bộ cấp trên và của cấp mình; các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quyết định, quy định, quy chế, kết luận của Đảng, cấp trên và của cấp mình.

c) Việc chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới quán triệt, thực hiện các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng trong

sinh hoạt đảng, sinh hoạt cấp ủy và công tác tổ chức, cán bộ.

d) Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy và của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp.

2.2- Đối với cá nhân cấp ủy viên

a) Về các nội dung có liên quan đến chức trách, nhiệm vụ của đồng chí bí thư, phó bí thư cấp ủy và của cấp ủy viên được thể hiện trong quy chế làm việc của cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy.

b) Về thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ và tư cách cá nhân từng cấp ủy viên có liên quan đến trách nhiệm và uy tín của cấp ủy. Về tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên; việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ; việc tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; việc thực hiện Quy định về những điều đảng viên không được làm.

3- Phương thức chất vấn và trả lời chất vấn

3.1- Phương thức chất vấn

a) Tại các kỳ họp của cấp ủy, cần dành thời gian thích hợp ở một phiên họp để thực hiện việc chất vấn và trả lời chất vấn.

b) Việc chất vấn được tiến hành bằng văn bản hoặc trực tiếp hỏi, đối thoại tại phiên họp cấp ủy.

- Nội dung chất vấn được gửi trước khi khai mạc kỳ họp cấp ủy chậm nhất từ 7 đến 10 ngày đối với cấp tỉnh và cấp huyện; 5 đến 7 ngày đối với cấp trên cơ sở trở xuống để ban thường vụ cấp ủy hoặc thường trực cấp ủy (nơi không có ban thường vụ cấp ủy) xem xét, quyết định việc tổ chức trả lời chất vấn.

- Phiếu chất vấn phải ghi rõ họ, tên, chức vụ, cơ quan của người chất vấn tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm trả lời chất vấn, nội dung chất vấn (*có mẫu phiếu kèm theo*).

- Văn phòng cấp ủy có trách nhiệm tiếp nhận, tập hợp nội dung chất vấn báo cáo ban thường vụ cấp ủy hoặc thường trực cấp ủy (nơi không có ban thường vụ) xem xét chậm nhất trước khi khai mạc kỳ họp cấp ủy 1 ngày.

- Căn cứ ý kiến chỉ đạo của ban thường vụ hoặc của thường trực cấp ủy, văn phòng cấp ủy chuyển nội dung chất vấn đến tổ chức hoặc cá nhân được chất vấn để chuẩn bị nội dung trả lời.

Ngoài việc gửi phiếu đăng ký chất vấn trước kỳ họp, trường hợp thấy cần thiết, người chất vấn có thể đăng ký chất vấn bổ sung ngay tại phiên chất vấn. Trường hợp này, nếu chưa chuẩn bị kịp thì đối tượng được chất vấn trả lời sau bằng văn bản và thông báo cho người chất vấn biết.

3.2- Phương thức trả lời chất vấn

a) Tổ chức, cá nhân sau khi nhận được nội dung chất vấn phải chuẩn bị để trả lời trực tiếp tại hội nghị cấp ủy.

- Nếu nội dung chất vấn thuộc trách nhiệm của cấp ủy, ban thường vụ hoặc thường trực cấp ủy, ủy ban kiểm tra trả lời thì ban thường vụ hoặc thường trực cấp ủy chỉ đạo chuẩn bị, tổ chức thảo luận, kết luận và phân công người trực tiếp báo cáo tại phiên họp trả lời chất vấn.

- Các nội dung chất vấn liên quan đến trách nhiệm cá nhân đồng chí cấp ủy viên nào thì đồng chí đó có trách nhiệm chuẩn bị, trực tiếp trả lời và gửi văn bản trả lời chất vấn cho văn phòng cấp ủy quản lý.

b) Ban thường vụ hoặc thường trực cấp ủy căn cứ các nội dung chất vấn để xem xét, quyết định việc chất vấn và trả lời chất vấn theo chương trình kỳ họp của cấp ủy.

- Ban thường vụ hoặc thường trực cấp ủy phân công đồng chí chủ trì hội nghị điều hành phiên họp công bố trình tự những nội dung chất vấn và trả lời chất vấn.

- Đại diện tổ chức hoặc cá nhân được chất vấn có trách nhiệm trực tiếp trả lời chất vấn trong phạm vi chức trách, nhiệm vụ của mình theo sự điều hành của chủ trì hội nghị. Đối tượng chất vấn

là cấp ủy viên phải trực tiếp trả lời chất vấn, không được ủy quyền cho người khác.

Sau khi trả lời, nếu người chất vấn hoặc các đồng chí trong cấp ủy chưa đồng ý với nội dung trả lời thì có thể hỏi thêm. Vấn đề hỏi thêm phải ngắn gọn liên quan đến nội dung trả lời chất vấn. Các nội dung hỏi thêm và nội dung trả lời (nếu trả lời trực tiếp tại phiên chất vấn) được ghi biên bản kỳ họp.

- Sau khi đối tượng được chất vấn trả lời, nếu người chất vấn hoặc trong cấp ủy vẫn có ý kiến chưa đồng tình với nội dung trả lời thì chủ trì hội nghị đề nghị cấp ủy thảo luận và kết luận theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quy định của Điều lệ Đảng.

- Trường hợp chưa đủ điều kiện trả lời chất vấn ngay tại hội nghị (cả nội dung chất vấn ban đầu và nội dung hỏi thêm) thì trong 30 ngày (đối với cấp tỉnh và cấp huyện), 20 ngày (đối với cấp trên cơ sở trở xuống) kể từ ngày nhận được chất vấn, tổ chức hoặc cá nhân được chất vấn phải trả lời bằng văn bản hoặc đề nghị được trả lời trực tiếp tại kỳ họp sau.

c) Các nội dung chất vấn và trả lời chất vấn được lưu trong hồ sơ kỳ họp cấp ủy theo quy định. Nội dung trả lời chất vấn được ban thường vụ hoặc thường trực cấp ủy chỉ đạo xem xét, xử lý theo quy định.

III- QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ THỂ CHẤT VẤN, ĐỐI TƯỢNG CHẤT VẤN VÀ CỦA NGƯỜI CHỦ TRÌ CHẤT VẤN

1- Quyền và trách nhiệm của chủ thể chất vấn

1.1- Quyền của chủ thể chất vấn

a) Yêu cầu đối tượng chất vấn trả lời nội dung chất vấn theo quy định tại Điểm 2, Mục II của Hướng dẫn này.

b) Nếu đối tượng chất vấn trả lời không đúng nội dung chất vấn thì người chất vấn được đề nghị đồng chí chủ trì hội nghị chỉ đạo đối tượng chất vấn thực hiện đúng nội dung, yêu cầu chất vấn.

1.2- Trách nhiệm của chủ thể chất vấn

a) Chất vấn đúng đối tượng, nội dung tại Điểm 1, Điểm 2, Mục II của Hướng dẫn này.

b) Chất vấn với tinh thần xây dựng, khách quan, đúng nguyên tắc sinh hoạt đảng.

c) Ghi rõ họ tên, chức vụ, cơ quan của mình, nội dung chất vấn và tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm trả lời chất vấn trong phiếu chất vấn.

d) Gửi phiếu chất vấn cho tổ chức, cá nhân có trách nhiệm trả lời chất vấn theo quy định tại Điểm 3, Mục II của Hướng dẫn này.

đ) Cung cấp tài liệu có liên quan đến nội dung

chất vấn (nếu có) cho ban thường vụ cấp ủy hoặc thường trực cấp ủy cấp mình.

2- Quyền và trách nhiệm của đối tượng chất vấn

2.1- Quyền của đối tượng chất vấn

a) Đề nghị chủ thể chất vấn giải thích những nội dung chất vấn chưa rõ.

b) Được chọn hình thức trả lời chất vấn theo quy định tại Điểm 3, Mục II của Hướng dẫn này.

c) Từ chối trả lời nếu nội dung chất vấn thuộc bí mật của Đảng và Nhà nước, những vấn đề không có nội dung và địa chỉ, không thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức hoặc không thuộc chức trách nhiệm vụ, quyền hạn của người trả lời chất vấn.

Những vấn đề thuộc bí mật của Đảng và Nhà nước được quy định trong Pháp lệnh bảo vệ bí mật Nhà nước do Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua ngày 28-12-2000, trong các nghị định của Chính phủ, các quy định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an, của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức kinh tế được pháp luật quy định. Quyền bí mật đời tư của công dân được quy định tại Điều 38, Bộ luật dân sự năm 2005. Những vấn đề thuộc bí mật đời tư của cá nhân cấp ủy viên mà không vi phạm

tư cách đảng viên, tư cách cấp ủy viên thì cấp ủy viên được chất vấn có quyền từ chối trả lời.

2.2- Trách nhiệm của đối tượng chất vấn

a) Trả lời chất vấn theo quy định tại Điểm 3, Mục II của Hướng dẫn này.

- Chấp hành việc tổ chức, điều hành quá trình chất vấn và trả lời chất vấn của chủ trì hội nghị.

- Trả lời chất vấn trực tiếp tại hội nghị hoặc bằng văn bản cho chủ thể chất vấn theo đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm về nội dung trả lời chất vấn.

b) Tiếp nhận, chuẩn bị và trả lời chất vấn một cách khách quan, trung thực, cầu thị; trả lời thẳng vào vấn đề chất vấn; giải trình những nội dung chất vấn đúng sự thực, đúng diễn biến thực tế, không suy diễn, không trả lời vòng vo; không từ chối hoặc né tránh trả lời về những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức hoặc chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của cá nhân mình.

c) Tiếp thu những nội dung chất vấn đúng, hợp lý; tổ chức chỉ đạo và thực hiện những nội dung chất vấn phục vụ thiết thực cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức hoặc chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của cá nhân mình sau hội nghị chất vấn.

d) Chủ động, kịp thời sửa chữa, khắc phục thiếu sót, khuyết điểm vi phạm (nếu có) và báo cáo tổ chức đảng có thẩm quyền.

3. Trách nhiệm của người chủ trì hội nghị

a) Điều hành hội nghị thực hiện chất vấn, trả lời chất vấn theo chương trình, nội dung, thời gian, đúng phương thức chất vấn và trả lời chất vấn đã quy định tại Điểm 3, Mục II của Hướng dẫn này.

b) Nếu đối tượng chất vấn cố tình giải trình không đúng sự thật, không đầy đủ theo nội dung chất vấn hoặc vòng vo, né tránh thì nhắc nhở, đề nghị trả lời trực tiếp vào đúng nội dung, yêu cầu của người chất vấn.

c) Nếu chủ thể chất vấn cố tình chất vấn không có tính xây dựng, nội dung không rõ thì người chủ trì hội nghị tỏ rõ chính kiến của mình và cho kết thúc việc chất vấn.

d) Chỉ đạo tổng hợp ý kiến chất vấn và trả lời chất vấn, thống nhất nội dung kiến nghị cấp trên (nếu có), yêu cầu đối tượng chất vấn thực hiện sau phiên chất vấn.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Trách nhiệm của cấp ủy các cấp

a) Cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trực tiếp

lãnh đạo việc chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp của cấp ủy.

b) Ban thường vụ hoặc thường trực cấp ủy giúp cấp ủy chỉ đạo, tổ chức thực hiện chất vấn, trả lời chất vấn và xử lý kết quả chất vấn.

c) Định kỳ hàng năm, ban thường vụ cấp ủy hoặc thường trực cấp ủy báo cáo cấp ủy về thực hiện chất vấn và việc tiếp thu, xử lý, khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm của đối tượng chất vấn (nếu có).

2- Trách nhiệm của các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy

a) Ủy ban kiểm tra và các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy có trách nhiệm tham mưu, giúp cấp ủy, ban thường vụ hoặc thường trực cấp ủy kiểm tra, xem xét, giải quyết những vấn đề được chất vấn thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cấp ủy, ban thường vụ và thường trực cấp ủy.

b) Ủy ban kiểm tra chủ trì phối hợp với ban tổ chức, văn phòng cấp ủy và các tổ chức đảng có liên quan tham mưu, giúp cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy xem xét, xử lý đối với đối tượng chất vấn có sai phạm theo quy định của Điều lệ Đảng; đồng thời đôn đốc, theo dõi đối tượng chất vấn bị xử lý chấp hành kết luận, quyết định của cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy.

c) Hằng năm, văn phòng cấp ủy chủ trì phối hợp với ủy ban kiểm tra, ban tổ chức tham mưu, giúp ban thường vụ hoặc thường trực cấp ủy báo cáo cấp ủy kết quả thực hiện chất vấn, trả lời chất vấn và xử lý kết quả chất vấn tại các kỳ họp của cấp ủy.

d) Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy lập hồ sơ về các tài liệu liên quan đến chất vấn và trả lời chất vấn tại các kỳ họp của cấp ủy theo đúng quy định.

3- Xử lý kết quả chất vấn

a) Trong quá trình chất vấn, trả lời chất vấn và khi xét thấy cần thiết thì ban thường vụ cấp ủy hoặc cấp ủy chỉ đạo cơ quan chức năng xác minh nội dung chất vấn, nếu kết luận đối tượng chất vấn có sai phạm thì ban thường vụ hoặc thường trực cấp ủy chỉ đạo tiến hành xem xét, xử lý theo quy định của Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

b) Những nội dung chất vấn liên quan đến trách nhiệm của đối tượng được chất vấn thì ban thường vụ hoặc thường trực cấp ủy xem xét, giải quyết theo quy định của Điều lệ Đảng, quy chế làm việc của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy và quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra.

4- Kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện chất vấn

a) Cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên kiểm tra, giám sát cấp ủy cấp dưới trong việc thực hiện Hướng dẫn này.

b) Hằng năm, cấp ủy cấp dưới đánh giá việc thực hiện chất vấn tại các kỳ họp của cấp ủy cấp mình và báo cáo cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp.

5- Lưu trữ và quản lý tài liệu chất vấn

a) Các nội dung chất vấn và trả lời chất vấn của từng cấp ủy viên được lưu vào các hồ sơ quản lý cán bộ theo quy định.

b) Các nội dung chất vấn và trả lời chất vấn liên quan đến tập thể cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy, ủy ban kiểm tra thì lưu ở văn phòng cấp ủy.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện việc chất vấn tại các kỳ họp của cấp ủy các cấp và thay thế các nội dung chất vấn tại các kỳ họp của cấp ủy các cấp trong Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 158-QĐ/TW, ngày 12-5-2008 của Bộ Chính trị (khóa X) về ban hành Quy chế chất vấn trong Đảng (số 15-HD/UBKTTW, ngày 14-7-2008 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

Quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung thì báo cáo Ủy ban Kiểm tra Trung ương để xem xét, quyết định.

TM. ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Phó Chủ nhiệm Thường trực

Mai Thế Dương

PHIẾU CHẤT VẤN

Kính gửi: Ban Thường vụ (hoặc Thường
trực cấp ủy)

Họ và tên:.....

Chức vụ:

Cơ quan:

**Xin gửi Ban Thường vụ (hoặc Thường
trực cấp ủy) ý kiến chất vấn của tôi đối với
tổ chức, cá nhân như sau:**

1- Đối với tổ chức:

- Tên tổ chức được chất vấn:

.....

- Nội dung chất vấn:

.....

2- Đối với cá nhân:

- Tên cá nhân được chất vấn:

.....

- Nội dung chất vấn:

.....

NGƯỜI CHẤT VẤN

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
- Quy định xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm	7
- Quyết định ban hành Quy chế giám sát trong Đảng	85
- Quy chế giám sát trong Đảng	87
- Hướng dẫn số 06-HD/UBKTTW của Ban Chấp hành Trung ương, Ủy ban kiểm tra ngày 20-6-2012 về thực hiện Quy chế giám sát trong Đảng	107
- Quyết định ban hành Quy chế chất vấn trong Đảng	147
- Quy chế chất vấn trong Đảng	148
- Hướng dẫn thực hiện việc chất vấn của cấp ủy viên tại các kỳ họp của ban chấp hành đảng bộ các cấp	157

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. NGUYỄN DUY HÙNG
Chịu trách nhiệm nội dung
ThS. NGUYỄN VĂN TRỌNG

Biên tập nội dung: VŨ QUANG HUY
Trình bày bìa: PHẠM THÚY LIỄU
Chế bản vi tính: NGUYỄN QUỲNH LAN
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: VŨ QUANG HUY

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

12/86 phố Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội ĐT: 080.49221

Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

Đảng Cộng sản Việt Nam

*** QUY CHẾ, QUY TRÌNH VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA,
GIÁM SÁT VÀ THI HÀNH KỶ LUẬT ĐẢNG**

Ủy ban Kiểm tra Trung ương

*** VĂN BẢN CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG,
BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ VÀ ỦY BAN KIỂM TRA
TRUNG ƯƠNG VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA,
GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT CỦA ĐẢNG**

Phạm Thị Hải Chuyển (Chủ biên)

*** VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CÔNG TÁC
KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ KỶ LUẬT ĐẢNG**

ISBN: 978-604-57-0427-1



9 786045 704271